

Chữ nghĩa làng văn

“Chữ nghĩa làng văn” đôi khi chỉ là một chữ, cụm từ, đoạn văn cô đọng, diễn nghĩa, diễn giải một áng thơ văn hoặc một thể tài nào đó. Những trích dẫn được góp nhặt qua sách vở, trên mạng lưới của nhiều tác giả thành danh hay khuyết danh, không ngoài góc nhìn tận tìn thư bất như vô thư. Ấy là chưa kể nhiều từ ngữ, đề mục trong bộ sưu tập đang còn trong vòng nghi vấn, cần phải thẩm định lại nếu có thể được với những bậc thức giả văn kiến súc tích. Những phụ chú, dẫn chứng hay giai thoại do người viết kể lại, với chủ quan, khách quan chỉ cách nhau một sợi tóc. Vì vậy người sưu tầm không đặt ra “sai” hay “đúng”, vì cái sai hiện tại có thể là cái đúng ở một thời điểm nào khác. Xin chân thành cảm tạ và cáo lỗi những tác giả đã đóng góp bài vở trong sưu tập này, nhưng vì phương tiện eo hẹp nên người sưu tầm không thể thỉnh ý tác giả trước khi đăng tải – Ngô Không Phi Ngọc Hùng.

Ngôn sử (1)

Khi hấn vừa tốt nghiệp cử nhân văn khoa thì miền Nam thay đổi chế độ, hấn mở một quán cà phê nhỏ để sống qua ngày. Rảnh rỗi hấn nghiên cứu về một môn học mà hấn gọi là môn “ngôn sử”.

Hấn nói ngôn sử tiếng Pháp philologie, tôi chẳng hiểu gì cả. Hấn giải thích đó là môn học nghiên cứu lịch sử, cấu trúc và cách tạo thành của ngôn ngữ. Tôi vẫn mù tịt. Hấn tặng vợ tôi một cái túi xách tay Louis Vuiton và nói đó là là một ti *mố*. Hấn giải thích “mố” cũng là tiếng mới xuất hiện, dùng thay cho “thời trang”, hay “mốt” trước đây. Hấn cho tôi một sơ-mi lụa và nói đó là lụa thực chứ không phải lụa đều.

Tôi hỏi lụa đều là gì thì hấn phì cười :

- Mà y lỗi thời quá rồi. Bây giờ trong nước người ta không nói là “giả” nữa mà nói là “đều”. Hàng đều, rượu đều, thuốc đều.

Tôi, sực nhớ ra hấn là một nhà ngôn sử, bèn hỏi hấn :

- Thế mà nghĩ gì về những từ mới này ?

Hấn bồng trở thành nghiêm trang, trầm mặc một lúc rồi nói :

- Ngôn ngữ của dân tộc nó cũng gắn liền với lịch sử. Cái gì thường trực và lâu dài cũng trở thành ám ảnh rồi đi vào ngôn ngữ.

Hấn dừng lại một lúc rồi nói tiếp :

- Nhân loại tiến triển qua các thời kỳ đồ đá, đồ đồng, đồ sắt. Chúng ta cũng có thời kỳ đồ đều.

(Lượm lặt của thiên hạ - Web: bacdau.wordpress.com)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Đi đâu cho thiếp theo cùng

No thì thiếp ở, lạnh lùng thiếp dzông

Đất lề quê thói với phong tục cổ truyền

Ngày tốt ngày xấu

Viết về phong tục cổ truyền không thể không nhắc tới lễ cưới, lễ tang, xây nhà dựng cửa, khai trương, xuất hành.... Đó là một thực tế. Ngặt vì có một số người bài bác hấn, cho là gieo rắc mê tín dị đoan; một số khác lại quá mê tín, nhất là việc lớn việc nhỏ, việc gì cũng chọn ngày, từ việc mua con lợn, làm cái chuồng gà, cắt tóc cho con... mọi điều may rủi đều đổ lỗi cho việc không chọn ngày, chọn giờ. Ai không tin thì tùy "Linh tại ngã, bất linh tại ngã" (cho rằng thiêng cũng đã tự mình ra, cho rằng không thiêng, cũng tự mình ra), "Vô sư vô sách, quỷ thần bất trách" (không biết vì không có thầy, không có sách, quỷ thần cũng không trách).

Thực tế, có ngày nhiều điều may mắn tự nhiên đưa tới; có ngày vất vả sớm chiều mà chẳng được việc gì, còn gặp tai nạn bất ngờ. Phép luận lý giải thích đó là qui luật tất nhiên và ngẫu nhiên. Trong tất nhiên có yếu tố ngẫu nhiên, trong ngẫu nhiên cũng có yếu tố tất nhiên. Lý luận vậy nhưng có bạn đọc cũng muốn biết cụ thể trong tháng này, ngày nào tốt, ngày nào xấu, ngày nào tốt cho việc làm nhà, cưới vợ, tang lễ phải chánh giờ nào...Đa số bà con ta vẫn nghĩ "có thờ có thiêng, có kiêng có lành"...

Thời xưa, mặc dầu có người tin, có người không tin, toà Khâm thiên giám ban hành "Hiệp kỹ lịch", mà số người biết chữ Hán khá nhiều nên phần đông các gia đình cứ dựa vào đó mà tự chọn ngày giờ. Thời nay, rải rác ở các làng xã, còn sót lại một vài người còn biết chữ Hán nhưng sách vở cũ hầu như không còn, các gia đình muốn xem ngày giờ để định liệu những công việc lớn đành mất công tốn của tìm thầy. Khốn nỗi, mỗi thầy phán một cách, chẳng biết tin ai. Để đáp ứng nhu cầu của một số bạn đọc, chúng tôi xin trích dẫn một số văn bài "Xem ngày kén giờ" của học giả Phan Kế Bính đăng trong cuốn "Việt Nam phong tục" xuất bản năm 1915.

Chuyện chữ nghĩa

Trong phần "Giải & Đáp" của Thuần Thảo có câu hỏi: Chị Thảo là người "văn chương quán tuyệt, nhưng để mua vui với em, xin chị trả lời câu hỏi của em như sau: "...Ở Việt Nam nếu mấy bà mấy cô không rậm rạp thì người Bắc, người Nam gọi là vô mao. Riêng ở xứ Huế, nếu mà cô nào, mụ nào "vô mao" thì người ta gọi là "đoi". Vậy chữ "đoi" này sao lại dành riêng cho đàn bà xứ Huế? Phát xuất từ đâu?

Trả lời: Vì không quán tuyệt, nên chị phải tra tự điển về chữ "đoi".

Việt Nam Tự Điển của Hội Khai Trí Tiến Đức xuất bản viết:

Đoi là "trôn", trôn là đáy, là đít hay chỗ cuối cùng của cơ thể. Nếu có ai biết hơn, xin cho Thuần Thảo biết với. Vì học thêm tiếng địa phương cũng là điều tốt.

(Thuần Thảo – báo Văn Nghệ Tiền Phong)

18 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Nét thông thoáng quan trọng của "Tự điển Văn học" là ghi nhận nhiều tác gia miền Nam, ngoài những người trong Mặt trận giải phóng, hoặc ít nhiều quan hệ, còn có những ngòi bút độc lập như Dương Nghiễm Mậu, Hồ Hữu Tường, Nguyễn Thị Vinh, Nguyễn Đức Quỳnh và nhiều người khác. Thông thoáng đến có lúc làm người đọc choáng ngợp, như đề mục Kim Định dài bốn trang, ngang với Nguyễn Du. Đã đành, lời tựa có nói "số trang không phản ánh tầm quan trọng" nhưng người đọc là khách hàng, mua sách là có phần là mua trang, đòi hỏi tương quan giữa phẩm và lượng. Người đọc không chỉ là khách hàng, lại càng khe khắt hơn.

Một số tác gia ở hải ngoại cũng được đưa vào: Bình Nguyên Lộc hay Nhật Tiến không gây ngạc nhiên. Có Nguyễn Sa, Cung Trầm Tưởng, nhưng vắng Võ Phiến, Thanh Tâm Tuyền, Vũ Khắc Khoan, vắng cả Nguyễn Văn Trung, tác gia có sách trước tác và xuất bản trong nước sau 1975.

Nhưng chúng tôi không chê trách gì ban chủ biên, vì chưa chắc gì họ đã làm chủ đường biên.

(Đọc và phê bình sách từ điển văn học – Đặng Tiến)

Từ hày tự

Từ/tự điển đều dùng được vì từ theo chữ Hán là lời văn.

Cũng theo Thiệu Chửu, nói ra thành văn là từ chương.

Ăn mày chữ nghĩa

Ngư Triều Ân là một hoạn quan đời nhà Đường là Thái Bạch Sơn Nhân, am hiểu Phật học và có thể bấm đốt ngón tay tính toán mọi việc, rất được vua tôn kính. Vào thời Đại Tông (năm 768), nhà vua có chiếu mời Thiền sư Tuệ Trung vào cung truyền pháp.

Tuệ Trung là một vị cao tăng nổi tiếng đương thời, ông tiếp thu tông pháp của vị tổ thứ sáu Huệ Năng, núi Bạch Nhai. Khi Tuệ Trung nhận chiếu vào cung, Đại Tông có ý để cho hai vị tuyệt thế cao nhân này gặp nhau. Tục ngữ có câu: Văn vô đệ nhị, vũ vô đệ nhất. Tuệ Trung và Thái Bạch Sơn Nhân vừa gặp nhau đã thử sức so tài ngay. Tuệ Trung hỏi:

- Chẳng hay Thái Bạch Sơn Nhân có sở trường gì?

Thái Bạch Sơn Nhân đáp:

- Tôi am tường về núi, về đất, hiểu biết về con người, tính toán được sự sống, sự chết và muôn loài. Tôi tinh thông toán pháp, không gì là không biết, không gì là không hiểu.

Tuệ Trung mỉm cười nói:

- Vậy thì xin hỏi ngài, mảnh đất chỗ cung điện này là đất gì?

Thái Bạch Sơn Nhân đáp:

- Để tôi tính xem chút đã.

Tuệ Trung nói:

- Cần gì phải tính, ngài biết chữ, ngài hãy xem tôi viết chữ gì đây.

Nói rồi Tuệ Trung thuận vạch lên nền đất một vạch. Thái Bạch Sơn Nhân trả lời ngay:

- Chữ nhất.

Tuệ Trung nói:

- Vạch một nét lên nền đất, chẳng phải là chữ vương sao? (Chữ thổ là đất, vạch thêm một nét thành chữ vương). Nơi ngài đang đứng là đất của nhà vua, chẳng lẽ phải tính mới biết được ư?

Hạ m

Hạ m : hổ lớn
(ăn như hạ m)

(Tự diễn tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

Truyện Kiều bằng chữ quốc ngữ II

Gạt bỏ dịch đúng dịch sai, tại sao truyện Kiều cùng một bản chữ Nôm mà nhiều người dịch khác nhau. Như chỉ một câu “*Thoi vàng vó rắc, tro tiền giấy bay*” người thì *vàng hồ*, người thì *vàng bó...*

Thi sĩ Đông Hồ đã đưa ra nhận định thực xác đáng như sau:

“Chữ Nôm thì tự ý ai muốn đọc ra sao mà không được. Trừ một số ít chữ có định lệ phổ thông, còn thì cứ trải trải, mãi mãi gần chữ gì thông nghĩa thì cứ theo ý nghĩ của mình mà đọc. Lại thêm kẻ ở một vùng, người đọc ở một cõi thì sự đọc chữ Nôm tai hại cho văn chương không phải là ít”.

(Trần Bích San – Văn Khảo)

19 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Kể từ khi tiếng Việt được hình thành tới nay biết bao nhiêu nhà ngôn ngữ học và không ngôn ngữ học đề xướng thay đổi nó. Nhiều quá kể ra không xuể.

Tới nay máy điện toán (computer) được phát minh, các nhu liệu tiếng Việt được sáng chế kịp thời vấn đề sắp chữ không còn nữa. Nhưng tới thư điện tử (e-mail) thì không đọc được hết các loại tiếng Việt từ các nhu liệu ở nhiều vùng khác nhau trên trái đất. Người dùng đành tùy tiện gửi cho nhau với nhu liệu tiếng Anh không dấu. Nhưng cũng có trở ngại. Ví dụ đánh thiếu phụ dam dang ta có thể làm đảm đang với dâm dăng. Hoặc khi nhận một thư điện tử có câu:

Bac Duong cuoi vo cho chau Hung ngay 7 thang 3 vua qua. Tuy o xa nhung co chu Duong cung ve du dam cuoi. Người ngoài có thể biết có một người tên Duong mới làm đám cưới cho con nhưng chỉ người trong gia tộc mới hiểu được người anh tên là Đường, người em là Dương và chú rể là Hưng chứ nếu đoán sẽ có thể lộn hai tên Duong và Hưng với Hùng hay húng . . . quế.

(Chuyện cải cách tiếng Việt – Đặng Trần Huân)

Chữ nghĩa bói toán

Người ta tuổi *ngọ*, tuổi *mùi*
Riêng tôi ngậm ngùi một mình tuổi *thân*

Năm tao, bẫy tuyết

Nguyễn Khuyến có bốn câu thơ:
Chờ mãi anh sang, anh chả sang
Thế mà hôm nọ hát bên làng
Năm tao, bẫy tuyết anh hò hẹn
Để cả mùa xuân cũng bẽ bàng

Tao ở đây là “lần”, “lượt”, “phen”.
Tuyết là “năm”, “bẫy” hay “nhiều lần”, “nhiều bận”.
Năm tao, bẫy tuyết còn nghĩa khác nữa là “nhiều” hoặc “vất vả”.

Nguyễn Tuân trong Sông Đà có câu: “Phần nhiều họ kéo đến đây là hạng *tứ bát tử* cả đấy. Trốn chúa lộn chồng *năm tao, bẫy tuyết*, ba chìm năm nổi chín cái lênh đênh, vỡ nợ *tam tứ tưng*”.

(Hà Phương Hoài)

Bát canh hầu

Canh có nhiều nghĩa: sửa đổi, từng trải. Hay là một món canh rau cải, cá thịt.

Tích Hán Bái Công khi hàn vi, tới nhà chị dâu được ăn bát canh ngon. Bái Công ăn hết, muốn đòi ăn thêm. Chị dâu biết ý, lấy cái môi vét, cào cào vào cái nồi sồn sột ra dầu không còn canh, đừng gọi thêm nữa. Sau Bái Công lên làm vua, phong con trai của chị dâu là “*Bát canh hầu*”. Tức là tước “*Hầu vét canh*” để đền ơn chị dâu ngày trước.

Vua Tự Đức cũng hay phong tước cho vật dụng, như cái nghiên mực là “Tức Mực hầu”.

Hám

Hám : hôi thối, bẩn thỉu
(hôi hám)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

Màu sắc...tâm trạng

Loại màu hữu cảm thứ tư không chờ thêm cảm giác nào cả, cũng không chứa cảm tưởng về phía trong của đối tượng. Màu kia màu nọ ở đây chẳng qua cái có để người nhìn nói lên tâm trạng của chính mình.

Khi Thạch Lam văn "Trời hồng phơi phơi...", ai cũng biết trời chẳng làm sao cả, chính Thạch Lam (hay nhân vật của ông) mới đang cảm thấy... lằng lằng. Khi Vũ Hoàng Chương thơ "Màu

tím thờ ơ vạt áo ai!", độc giả Việt Nam hẳn dư hiểu thờ ơ có liên hệ với tâm trạng của thi sĩ chứ không phải của vạt áo! Khi Hoàng Cầm chợt hoài cảm "Mất thời gian càng miên man xanh", Tô Hoài bỗng nhớ giàn đỗ vắn nở một đóa hoa tím ngần ngợ, nhớ một buổi chiều vàng ngây ngất.

Nguyễn Huy Thiệp tả "lạc đề" những hoa gạo đỏ xao xuyên bồn chồn, những hoa ban trắng khắc khoải, nao lòng v.v., thì đích thị các nhà thơ nhà văn đang miên man cảm xúc, chứ hoa nọ hoa kia, buổi chiều, "mất thời gian", dù xanh, đỏ, tím, vàng, cũng không hề biết ngần ngợ, xao xuyên, bồn chồn...

Trong *Miếng ngon Hà Nội*, nhân luận về món hẩu lốn thường dùng sau Tết, Vũ Bằng đậm nhớ vợ và cao hứng nhại thơ Đoàn Phú Tứ: "Màu thời gian tím tím, hương *mùa xuân* thanh thanh...". Nhạc sĩ Đoàn Chuẩn sáng tác ít, nhưng nhạc ông có vài bài phổ biến rộng. Chắc nhiều người còn nhớ *Gửi người em gái*: "Cành hoa tím tím bé xinh xinh báo xuân nồng (...) Hà Nội chờ đón Tết, vắng bóng người đi..." Cái màu thời gian "hẩu lốn" của Vũ Bằng, cái màu của thứ hoa "bé xinh xinh" của Đoàn Chuẩn, nó chất chứa nỗi niềm nên dù không bị âm điệu của thơ của nhạc chi phối, nó cũng không chịu viết là tím tím đâu.(8)

(8) Tím tím chỉ là hơi tím, không hữu cảm, nhưng xanh xanh thì có thể chứa cảm xúc, như trong "thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu" (*Chinh Phụ*), "chân mây mặt đất một màu xanh xanh" (*Kiều*), "sông Tần một dải xanh xanh" (*Kiều*).

(Thu Tứ – Tìm tòi và suy nghĩ)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ lỗ

Lời nói không mất tiền mua

Tha hồ mà nói đừng thua câu nào

Truyện cực ngắn: Cái hôn

Mỗi lần chàng hôn nàng, thời gian dừng lại. Lần cuối cùng chàng hôn nàng, thời gian dừng lại rất lâu. Trong khoảng thời gian dừng lại ấy, nàng nộp xong đơn xin ly dị, lau dọn nhà cửa sạch sẽ, giặt xong mớ quần áo dơ cuối cùng của chàng, dời xong tất cả vật dụng linh kính của nàng sang nhà người yêu mới, và để lại cho chàng một bức thư tuyệt tình với lời lẽ dịu dàng và đầy cảm xúc.

Giai thoại làng văn xóm chữ

Trời sinh ông Tú Cát

Một hôm, nhà có giỗ, làm thịt lợn mời khách khứa đông lắm. Thấy Quỳnh hay nghịch, ai cũng chòng ghẹo chơi. Đương lúc Quỳnh xem làm thịt lợn, có một ông Tú tên là Cát thường tự phụ hay chữ chạy đến béo tai, bảo ra một câu đối, nếu đối được thì tha cho:

- Lợn cần ăn cám tốn (1)

Quỳnh đối ngay:

- Chó khôn chó cần cần (2)

Ông Tú lại ra một câu nữa, câu này có ý tự phụ mình là ông Tú:

- Trời sinh ông Tú Cát (3)

Quỳnh lại đối:

- Đất nứt con bọ hung

Ông Tú phải lồm, tịt mắt. Một người cười ồm cả lên.

(1) Cần là quả cần, Tốn là quả tốn trong bát quái. Đây lấy nghĩa lợn cần (chửa) mà ăn tốn cám.

(2) Khôn là quả khôn, Cần là quả cần cũng trong bát quái, đây lấy nghĩa con chó khôn chó cần

càn, cấn bậy .

(3) Cát còn có nghĩa là tốt; hung còn có nghĩa là xấu.

(trích Giai thoại về Trạng Quỳnh)

Câu đối

Xét trong quan hệ với vật đối, tức cách biểu thị vật đối ra sao, hình ảnh ở lời đối thường được sử dụng theo *kiểu úm ba la*. Kiểu úm ba la gồm những âm thanh, hình ảnh gây nhiễu.

Úm ba la là hình thức tung hoả mù. Những âm thanh, hình ảnh này có thể được bố trí ở đầu hay ở cuối lời đối, và có thể độc chiếm một, hai dòng. Thí dụ:

“Thiên bao lao, địa lao lao,

Giếng không đào làm sao có nước,

Cá không ở được, là tại làm sao?”

(Quả dưa)

(Triều Nguyễn - Cách sử dụng hình ảnh trong câu đối)

Ca dao và lịch sử

Lê Chiêu Thống lên ngôi vua, vì không phục Tây Sơn, đã lên nương nấu tại đất Lạng Giang, và cử Hoàng Thái Hậu nhà Lê sang nhà Thanh xin quân cứu viện. Nguyễn Huệ sau khi phá được quân Thanh ở Hạ Hồi, Ngọc Hồi, Bắc Bình Vương thắng trận về vang tại gò Đống Đa khiến tướng nhà Thanh là Sâm Nghi Đống phải treo cổ tự tử rồi tiến vào thành, khiến cho Tôn Sĩ Nghị không kịp mặc binh giáp, bỏ cả ấn tín để chạy về tàu, kéo theo vua Lê Chiêu Thống không kịp đem theo Hoàng Thái Hậu.

Cho nên lúc bấy giờ trong dân gian mới có câu:

Gió đưa cây cải về trời

Rau răm ở lại chịu lời đắng cay

(nguồn P.P.S)

Ngôn sử 2

Khi hán vừa tốt nghiệp cử nhân văn khoa thì miền Nam thay đổi chế độ, hán mở một quán cà phê nhỏ để sống qua ngày. Rảnh rỗi hán nghiên cứu về một môn học mà hán gọi là môn “ngôn sử”.

Hán nói ngôn sử tiếng Pháp philologie, tôi chẳng hiểu gì cả. Hán giải thích đó là môn học nghiên cứu lịch sử, cấu trúc và cách tạo thành của ngôn ngữ. Tôi vẫn mù tịt. Hán giải thích :

- Mà thử xem, ngôn ngữ của người Việt thì không có gì cả mà cũng chẳng là gì cả, chỉ có chẳng là bị bóc lột và đói triền miên, vì thế mà động từ căn bản của tiếng Việt là “ăn”.

Thắng bại gọi là ăn thua, thắng nào thắng thì có ăn, thắng nào thua thì không có ăn, với nghề nghiệp thì gọi là làm ăn, vợ chồng ăn ở, ăn nằm với nhau, nói chuyện là ăn nói, ăn ảnh, ăn khớp...

Ngay cả lúc chửi nhau cũng cho ăn cái này cái kia, hay là đồ ăn mày, ăn nhạt, ăn cắp, ăn giật. Cái gì cũng ăn cả vì đói quanh năm, lúc nào cũng bị miếng ăn ám ảnh. Bây giờ cũng thế, cái gì cũng đều cáng cả. Chính quyền đều, nhà nước đều... Cái gì cũng đều cả nên đều hiện diện một cách trấn áp qua ngôn ngữ.

Nước mình đang ở thời kỳ đồ đều.

(Lượm lặt của thiên hạ - Web: bacdau.wordpress.com)

Chữ nghĩa bói toán

Gieo quẻ đầu năm: Người tuổi Sửu hợp với tuổi Ngọ theo quẻ...ngưu tầm ngưu mã tầm mã. Theo quẻ mèo mã gà đồng, tuổi Mão với tuổi Dậu sẽ có một tình yêu hoang dại. Trong khi đó tuổi Mùi và tuổi Tuất rất hợp với...quẻ treo đầu dê bán thịt chó.

Đặt lễ quẻ thối với phong tục cổ truyền

Có ngày tốt ngày xấu không?

Có những bạn đọc hỏi: Chúng ta đã từng phê phán và sẽ tiếp tục phê phán mọi loại thầy bói, mê tín dị đoan, bịp bợm. Nhưng gần đây lại thấy nhiều người bảo: Khoa học có thể tính toán để biết trước ngày tốt, ngày xấu, thực hư ra sao?

Nghiên cứu về sự chết và tỷ lệ chết của con người, thấy có nhiều biến đổi tùy thuộc vào nguyên nhân gây chết. Thí dụ: Vào khoảng 3-4 giờ sáng áp suất máu thấp nhất, não được cung cấp lượng máu ít nhất nên người bệnh hay bị chết nhất. Các cơn động kinh thường có giờ. Bệnh nhân hen cũng thường lên cơn hen về đêm vào khoảng 2-4 giờ sáng (trùng với thời gian bài tiết cortisol ra nước tiểu xuống tới mức thấp nhất).

Các vấn đề trên đây không phải là "thầy bói nói mò" mà dựa vào một dữ kiện thực tế nhất định. Nó cũng phù hợp với nhận thức về mối quan hệ tương tác giữa các yếu tố địa vật lý vũ trụ với các quá trình hoạt động chức năng của cơ thể.

Vua Trần Minh Tông với việc chọn ngày làm lễ an táng mẹ.

Năm 1332 Thuận thánh Bảo từ Hoàng Thái Hậu mất. Con là Thượng Hoàng Minh Tông lúc đó đã nhường ngôi cho con là Hiến Tông. Thượng hoàng sai các quan chọn ngày chôn cất. Có người tâu rằng: "Chôn năm nay tất hại người tể chủ". Thượng hoàng hỏi: "Người biết sang năm ta nhất định chết à?". Người ấy trả lời không biết. Thượng hoàng lại hỏi: "Nếu sang năm trở đi ta chắc chắn không chết thì hoán việc chôn mẫu hậu cũng được, nếu sang năm ta chết thì lo xong việc chôn cất mẫu hậu chẳng hơn là chết mà chưa lo được việc đó ư? Lễ cát, lễ hung phải chọn ngày là vì coi trọng việc đó thối, chứ đâu phải cầu nệ họa phúc như các nhà âm dương". Rốt cuộc vẫn cử hành lễ an táng.

20 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Vào thập niên 1960, khi in tập phiếm luận Chuyện Vô Lý của Lãng Nhân, nhà xuất bản Nam Chi Tùng Thư, Sài Gòn đã áp dụng lối viết các từ kép bỏ dấu nối và viết liền vào nhau như ânái, hạnhphúc, chínhchuyên, giađình...

Lối viết này mới trông cũng thấy ngộ ngộ nhưng không phải là không có trở ngại. Nếu những từ kép ô mai, phát hành, bác sĩ thú y mà viết liền thành ômai, pháthành, bác sĩ thúy người ta cũng có thể lộn với ôm ai?, phá thành, bác sĩ Thúy. Phải chăng thấy chuyện thí nghiệm này cũng gian nan nên bút ký Chuyện Vô Lý lần đầu chỉ in 160 bản tặng bạn bè và chuyện dính liền cũng rơi vào quên lãng một thời gian khá dài.

Nguyễn Hữu Ngự một mình một chợ đưa ra nhiều thay đổi cách viết trong tiếng Việt như bỏ Y dài thay thế bằng I ngắn, bỏ phụ âm H trong GH, NGH v . v . . . Không ai nghe theo thì ông tự thực hành một mình. Ông bỏ tên Nguyễn Hữu Ngự của cha mẹ đặt để ký biệt hiệu là Nguyễn Ngu Í, Ngê Bá Lí đơn thương độc mã áp dụng lối viết ấy trong các tác phẩm của mình.

(Chuyện cải cách tiếng Việt – Đặng Trần Huân)

Nghệ thuật chơi chữ trong ca dao

Từ điển thuật ngữ văn học gọi chơi chữ là "lộng ngữ" và giải thích là một biện pháp tu từ có đặc điểm: người sáng tác sử dụng những chỗ giống nhau về ngữ âm, ngữ nghĩa, văn tự, văn cảnh để tạo ra sự bất ngờ thú vị trong cách hiểu, trong dòng liên tưởng của người, người nghe. Các hình thức của lộng ngữ rất phong phú, trong đó có: *nói lái, dùng từ đồng âm hoặc*

gần âm, dùng từ gần nghĩa, tách một từ thành các từ khác nhau. Như chơi chữ là cách dùng các từ đơn tiết đồng âm nhưng khác nghĩa:

Trời mưa, trời gió vác **đó** ra đơm

Chạy vô ăn cơm chạy ra mất **đó**

Kể từ ngày mất **đó**, **đó** ơi

Rằng **đó** không phân qua nói lại đôi lời cho đây hay?

(Trần Minh Thương - Nghệ thuật chơi chữ trong ca dao Việt Nam)

Tiếng Việt trong sáng

Giao hợp: Có một chuyện ghép từ rất khôi hài mà người ta thường hay kể lại. Chuyện thế này: Đồng chí giám đốc phải một nữ nhân viên qua một xí nghiệp bạn với lời dặn dò cẩn thận: “Cô hãy sang đó và cố gắng thuyết phục cho họ giao hợp nhé”.

Ý đồng chí giám đốc muốn nói giao hợp có nghĩa là...“giao” thiệp và...“hợp” tác; không biết cô nữ nhân viên có hiểu đúng ý đồng chí giám đốc hay không.

(Triêu Thanh tạp chí)

Ca dao

Đề cập đến văn chương, chúng ta không thể nào bỏ qua nền thi ca bình dân mà ca dao là một trong những thể loại quen thuộc này. Từ lâu, ca dao đã đi vào lòng dân tộc về những nét bông đùa, hóm hỉnh, dí dỏm trong kho tàng văn chương bình dân của tiếng Việt ta. Như ca dao trào phúng cũng còn châm biếm những anh chàng sở khanh:

Yêu em mây núi cũng trào,

Khi em có chữa mấy đèo cũng đông

Hoặc giả như:

Trên trời có đám mây xanh,

Ở giữa mây trắng, xung quanh mây vàng.

Nếu mà anh phải lấy nàng,

Anh thà thất cổ cho nàng ở không.

(Lê Thương - Ca dao trào phúng)

Vụ án Nhân Văn-Giai Phẩm

Mới nhìn sơ qua, những người “*liên hệ*” đến *Vụ án Nhân Văn-Giai Phẩm* chỉ có vài nhân vật như Nguyễn Hữu Đang, Hoàng Cầm, Lê Đạt...v...v... Nhưng trực tiếp, gián tiếp bị liên lụy thì gần như hơn nửa sĩ phu Bắc Hà, gồm có:

Chu Ngọc, Đào Duy Anh, Đặng Đình Hưng, Hoàng Cầm, Hoàng Huế, Hoàng Tích Linh, Hoàng Tố Nguyên, Hoàng Yến, Hữu Thung, Huy Phương, Lê Đại Thanh, Lê Đạt, Nguyễn Hữu Đang, Nguyễn Khắc Dực, Nguyễn Mạnh Tường, Nguyễn Thành Long, Nguyễn Văn Tý, Như Mai, Phan Khôi, Phan Vũ, Phùng Quán, Quang Dũng, Sĩ Ngọc, Thanh Bình, Thụy An, Trần Công, Trần Dần, Trần Đức Thảo, Trần Duy, Trần Lê Văn, Trần Thiếu Bảo, Trần Thịnh, Trương Tửu, Tử Phác, Vĩnh Mai, Văn Cao, Yến Lan, Cao Xuân Huy, Cao Nhị, Đỗ Đức Dục, Phùng Cung, Hữu Loan.

(Wikipedia)

21 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Sau 1975 ở hải ngoại cũng có nhiều tác giả đưa ra những cải cách có khi mới, có khi không. Về việc viết I ngắn thay thế Y dài hai nhà biên khảo Lê Hữu Mục và Nguyễn Đình Hòa nêu lại

vấn đề này và hỗ trợ nó. Có nhiều người không đồng ý chuyện thay đổi này nhưng có người yểm trợ và người yểm trợ mạnh mẽ nhất là Dương Đức Nhựt.

Theo một bài đăng trên tuần báo Sài Gòn Nhỏ, Westminster, CA, số xuân Kỷ Mão của Đỗ Hữu và Diên Nghị (sau đăng lại có sửa chữa trên tạp chí Tinh Hoa, Minneapolis, MN, số tháng 10. 99 với tên Đức Cố & Diên Nghị), hai tác giả cho biết Dương Đức Nhựt không những yểm trợ chuyện thay thế Y dài do Lê Hữu Mục và Nguyễn Đình Hòa theo đuổi mà còn đề nghị cả chuyện viết dính liền, bỏ phụ âm H, du nhập chữ cái F, J, W, Z. Ông đề nghị viết ngẫm nghĩ, ngễnh ngãng, gồ gề thay cho ngẫm nghĩ, ngễnh ngãng, gồ ghề; viết zẽ zàng, zu dương thay cho dễ dàng, du dương.

(Chuyện cải cách tiếng Việt – Đặng Trần Huân)

Han

Han : hỏi thăm
(hỏi han – chẳng có ai đến han hỏi)

(Tự diễn tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đình Văn Thiện)

Màu sắc...tâm trạng

Màu tâm trạng không chỉ liên hệ chuyện tình cảm riêng tư, giữa "một người với một người", mà còn chen vào ngay giữa người và... trời: trời xanh mênh mông, xanh bát ngát, xanh bao la, xanh thăm thẳm, xanh hun hút, xanh tím mù, xanh lồng lộng, xanh vời vợi, xanh vời vợi, xanh cao nhẹ (!), xanh không tưởng v.v..

Tế Hanh "quên sao được sắc trời xanh biếc", Chế Lan Viên nhớ "trời xanh xanh thăm thẳm...", Võ Phiến nhớ "trời xanh thao thiết..." v.v. Ngoài Bắc, Dương Thu Hương cũng có lần ghi lại cảm tưởng khi ngược mặt: "Trời xanh ngẩn ngất, màu xanh trong và lạnh, thăm thẳm đơn côi...". Dân gian sống giữa bốn bề cây lá, nên màu xanh lá cây, vậy mà khi "cảm xúc vũ trụ" dường như ta thường gắn bó với màu trời. Như thế, những khi lòng man mác, ta hay ngửng mặt nhìn lên cao hơn là chú mục trong tầm cây cỏ...

Những kẻ cùng nhìn trời mấy ai chia xẻ nỗi phơi phơi của Thạch Lam. Nó thậm chí hết sức "phù du", vì vẫn cảnh phượng ấy vẫn mắt nhìn ấy, nhưng sáng còn đỏ hân hoan trưa có thể đã thành đỏ bạo liệt. Dường như chính đặc tính "vô thường" làm nó gây ấn tượng mạnh hơn các loại màu khác, nếu dùng đúng chỗ. Màu xanh rùng rợn của "sóng sào lan" trên đồi cỏ (Chế Lan Viên), màu xám hắt hiu của lau (Tố Hữu), màu trắng ngơ ngẩn của mây (Tô Hoài), màu đỏ ngơ ngác của bông hoa rùng (Doãn Quốc Sỹ), màu tím bời bời của hoa xoan ngô cũ (Nguyễn Bính), màu vàng tả tơi của hoa cúc khi mộng xác xơ (Vũ Hoàng Chương) v.v., những màu ấy toàn chủ quan cả, vậy mà ta cứ cảm được dễ dàng.

(Thu Tứ – Tìm tòi và suy nghĩ)

Thơ Bút Tre và tục ngữ mới

Kiến tha lâu mỗi cẳng
Học đi đôi với hành
Hành đi đôi với tởi

Giai thoại làng văn

Trần Đăng Khoa từ bộ dạng, cách nói năng (lẫn lộn n với l), từ ngày Khoa học trường viết văn Nguyễn Du, tôi tiếp xúc với Khoa luôn. Khoa đúng là có tài, rất thông minh. Có lẽ Khoa có ý thức mình là thần đồng nên chịu khó đọc sách, đọc sáng tác, đọc phê bình, để có một vốn tri thức, có thể ăn nói với đời.

Như:

“Văn học đang đổi mới. Không thể viết như cũ được nữa. Tất cả cũ rồi, song cũng tắc rồi. Họ triển lãm thơ bằng cách vắt thơ vào rổ rá, cối xay... là vớ vẩn lắm rồi! Nguyễn Huy Thiệp cũng tắc. Vàng Anh cũng hết – một hồi ta đề cao hơi quá. Phạm Thị Hoài có khá hơn. Nhưng cái mới chưa có, chưa xuất hiện. Văn xuôi có khá hơn. Thơ thì có lẽ thời buổi này không phải là thời của thơ.

“ Hồ Xuân Hương không có. Không có Hồ Xuân Hương! Đàn bà không tả cái của đàn bà hấp dẫn như thế “Gái uốn lưng ong ngửa ngửa lòng”, đàn ông mới nói: “Cô gái ngủ ngày” là đàn ông viết”.

(Hồi ký Nguyễn Đăng Mạnh)

Hăm

Hăm : hăng hái
(hăm hở - chực hăm hăm vào bờ ruộng ấy)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

Chữ nghĩa làng văn

Trong văn chương hiện đại, ta cũng thỉnh thoảng gặp những từ ngữ mới được sáng tạo khá tài tình. Trong thơ ít nhiều đã có những đóng góp trong lĩnh vực này, mở rộng đất đai sử dụng cho một số từ ngữ và như thế cũng có thể gọi là sáng tạo ngôn từ.

Trong truyện ngắn *Con gái thủy thần* của Nguyễn Huy Thiệp, đoạn kết có một dòng nghe thật da diết:

"Trước mặt tôi, dòng sông đang thao thiết chảy".

Một từ đặt vào văn cảnh này thật tuyệt vời. Hình như nó được biến báo từ "thao thiết", nhưng chỉ thay đi một chút thôi mà nội hàm bỗng bao trùm hơn rất nhiều, sức biểu cảm cũng mạnh, mạnh mẽ hơn hẳn, nhờ vào sự mù mờ, không rõ ràng như chính tâm trạng con người vào những giây phút ấy. Sức cuốn hút của những dòng sông trong văn Nguyễn Huy Thiệp với những từ ngữ đầy chất thơ và giàu sáng tạo như thế. Phải chăng sức huyền hoặc ấy đã lôi cuốn được cả một dòng sông "thao thiết" mà ta vừa nói tới.

(Anh Ngọc – Tản mạn về từ mới)

Chữ nghĩa lơ mơ lố mố

Nếu như em là phở
Thì anh là nước lèo
Đời có cuốn vèo vèo
Ta bên nhau em nhỉ

Giai thoại làng văn xóm chữ Vũ qua biển Bắc

Năm ấy, được tin sứ nhà Thanh sắp sang nước ta, vua Lê, chúa Trịnh giao cho trạng giữ việc tiếp sứ. Trạng Quỳnh cho dựng một ngôi quán nhỏ bên bờ sông Cái, bà Điểm ngồi bán hàng. Còn Quỳnh giả làm lái đò, chèo sứ bộ qua sông. Mấy tên trong sứ bộ Tàu qua ngôi quán bà Điểm, nhắc trông cô hàng nước xinh tươi óng ả, liền thả lời bỡn cợt. Một tên líu lợ đọc bâng quơ:

- Nam bang nhất thốn thổ bất tri kỷ nhân canh.

(Một tắc đất nước Nam không biết bao nhiêu người cày. Ý nói mĩa đàn bà nước này lẳng lơ).

Bà Điểm đang nhai trà, nhổ toẹt một bãi nước cốt xuống đất, nói trống không:

- *Bắc quốc chư đại phu, giai do thử đồ xuất.*

(Nghĩa là: Bọn quan to, ông lớn ở nước phương Bắc đều từ chỗ ấy mà chui ra cả).

Câu đối lọt vào tai bọn sứ bộ, chúng giật mình, cảm hợm. Đến lúc xuống đò... Đò ra giữa dòng sông, một tên trong đoàn sứ bộ hồng ruột, xổ ra một tiếng "bùm". Hắn đọc một câu chửi thẹn:

- *Lôi động Nam bang.*

(Sấm động nước Nam).

Trạng Quỳnh đang chèo, liền đứng thẳng, vạch quần đá vào càn câu xuống nước mà nói:

- *Vũ qua Bắc hải*

(Mưa qua bể Bắc)

Cả đoàn sứ bộ không thốt được một lời, trong bụng vừa tức, vừa sợ, cứ ngậm miệng cho đến lúc tới nơi.

(trích Giai thoại về Trạng Quỳnh)

Chữ nghĩa làng văn

"Tiếc thay một đóa trà mi

Con ong đã tỏ đường đi lối về!"

(Truyện Kiều - câu 845)

"Giá trà mi đã ngậm gương nửa vành".

(Truyện Kiều - câu 1092)

Hai câu đầu diễn tả một cách thanh nhã việc nàng Kiều bị thất thân với Mã Giám Sinh. Câu sau có nghĩa: Giàn hoa trà mi ngậm lấy vàng trắng hạ huyền. Đó là đêm Thúy Kiều hẹn trốn đi với Sở Khanh, vàng trắng đi chậm chậm như đứng lại trên giá đồ mi nên ta có cảm tưởng là giàn hoa ngậm lấy vàng trắng.

Hoa trà mi đúng ra là hoa *đồ mi* nhưng các cụ ta xưa đổi thành trà mi vì cho rằng chữ *đồ* không được thanh nhã lắm.

Đó là giống *hồng leo*, người ta phải làm giá cho nó leo lên, hoa chỉ nở bé như hoa tường vi.

(Trần Văn Tích - Cổ cây trong truyện Kiều)

Ngôn sử 3

Khi vừa tốt nghiệp cử nhân văn khoa thì miền Nam thay đổi chế độ, hắn mở một quán cà phê nhỏ để sống qua ngày. Thì giờ rảnh rỗi hắn nghiên cứu về một môn học mà hắn gọi là môn "ngôn sử".

Hắn nói ngôn sử tiếng Pháp philologie, tôi chẳng hiểu gì cả. Hắn giải thích đó là môn học nghiên cứu lịch sử, cấu trúc và cách tạo thành của ngôn ngữ. Tôi vẫn mù tịt. Hắn bảo tôi :

- Bôn ba không qua thời vận. Mà xông xáo như thế mà cuối cùng lại chẳng ra gì so với tao. Chính mày hơi bị nhỏ đấy. Chúng nó ăn hối lộ và buôn lậu, nhiều tiền bản quá phải mua nhà đất để tẩy, sau khi *lịch sự* mất vài trăm cây.

- Lịch sự?

- À, đó là một tiếng mới

Hắn cười to. ..

- Bây giờ người ta không nói dứt lốt hay đưa hối lộ nữa, xưa rồi! Bây giờ người ta nói là "lịch sự". Lịch sự trở thành một động từ. Làm cái gì cũng phải "lịch sự" mới xong...

(Lượm lặt của thiên hạ - Web: bacdau.wordpress.com)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Đánh giày: Không phải là đánh, đập, mà là “o bé” đôi giày.

(Nguồn: từ sổ tay của một người Mỹ học tiếng Việt)

Khuyến ửng

Trong truyện Kiều, Nguyễn Du có câu:

Sửa sang buồng gió lèo mây

Khuyến ửng lại chọn một bầy *côn quang*

Khuyến ửng: Chó săn và chim ửng

Côn quang: Côn đồ, hung dữ

(Khải-Chính Phạm Kim-Thư, báo Tự Do)

Tục ngữ Ta và Tàu

Thánh còn có khi nhầm lẫn

Thần tiên dã hữu nhất thời thác

(Thần tiên cũng có lúc sai lầm)

(Nguyễn Lập Sơn – Dư Phát Linh)

Văn chương... Xã hội chủ nghĩa!

Kính thưa quý vị, sau năm 1975, văn chương tại miền nam VN xuất hiện nhiều danh từ kỳ lạ, khó hiểu và thậm chí sai nghĩa. Tôi xin được góp nhặt loại chữ nghĩa kỳ quái này để cùng nhau góp phần làm trong sáng tiếng Việt. Hôm nay, tôi đọc được một bản tin trên báo điện tử trong nước có câu như sau:

"Vụ thứ hai là chiếc xe tải đang chạy trên cầu, *lốp* bị va vào vật nhọn gây ra một tiếng nổ lớn. *Bị mất lái*, chiếc *xe ô tô* này đã quay ngang ra đường. Rất may nhiều *phương tiện*, đi sau đã *phanh* kịp nên không xảy ra *sự cố* đáng tiếc..."

Chỉ nội trong một câu ngắn ngủi như trên, người viết bản tin đã dùng nhiều từ tiếng Pháp và một số chữ rất khó hiểu, và vô nghĩa.

- "lốp": sao không dùng "vỏ xe" có phải tốt hơn không?

- "bị mất lái" thường dùng là "lạc tay lái" để hiểu hơn?

- "xe ô tô": ta thường dùng là "xe hơi".

- "phương tiện" là "phương tiện vận chuyển". Trong trường hợp này, chỉ cần dùng chữ "xe" là đủ nghĩa và đơn giản hơn.

- "phanh" tại sao không dùng chữ "thắng" thuần túy tiếng Việt?

- "sự cố" việc xảy đến bất ngờ, có tầm quan trọng. Tại sao họ không dùng "tai nạn"?

Đáp: Lãng xẹt! Mắc chứng chi bạn lại hỏi...tui?

(Trau giòi tiếng Việt - ĐatViet.com)

Kẽ

Kẽ : bắt bẻ

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

22 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Nhà thơ Diên Nghị và Đức Cố hẳn là cũng không tán thành lối cải cách của ông Nhựt khi đưa ra thí dụ chép truyện Kiều như sau:

Trăm năm trong cõi người ta
Cữ tài, cữ mệnh qév là gét nhaw .
Trái kwa một kuộc bể zâu
Những diều trông tháí mà daudón lòng
Lạ jì bĩsác tufong,
Trời xanh kwen thój má hồng đánh gen.
Káw thơm lần jở trướk đèn
Fongtinh kỏlụk kòn trwiền sử xanh

(Chuyện cải cách tiếng Việt – Đặng Trần Huân)

Đất lề quê thói với phong tục cổ truyền

Xem ngày kén giờ 1

Việc cưới xin, việc làm nhà cửa, việc vui mừng khai hạ, việc xuất hành đi xa, việc khai trương cửa hàng, cửa hiệu, việc gieo mạ cấy lúa, việc tế tự, việc thương biểu, việc nhập học, việc xuất quân, việc an táng... việc gì thường cũng bắt đầu làm việc gì, hoặc động thổ hoặc xuất hành, hoặc khai bút, khai ấn... lại cần xem ngày lăm. Đến những việc vụn vặt như cạo đầu xỏ tai cho trẻ thơ, việc tắm gội, may áo... cũng có người cẩn thận quá trong kén ngày.

Kén thì phải xem đến lịch. Sách lịch do toà khâm thiên giám soạn ra. Mỗi năm về ngày mồng một tháng chạp, Hoàng Đế ngự điện khai trào, các quan Khâm thiên giám cung tiến Hiệp Kỳ Lịch, rồi khâm mạng vua mà ban lịch khắc nơi...Ban lịch trọng thể nhất là để cho thiên hạ biết chính xác nhất tiết khí, tháng thiếu tháng đủ, ngày tốt ngày xấu, để tuân hành được đều nhau. Đại để ngày nào có nhiều sao cát tinh như thiên đức, nguyệt đức, thiên ân, thiên hỷ... hoặc là ngày trực khai, trực kiến, trực bình, trực mãn thì là ngày tốt. Ngày nào có những sao hung tinh như sao trùng tang, trùng phục, thiên hình, nguyệt phá thì là ngày xấu. Kiêng nhất là ngày sát chủ, ngày thụ tử, việc gì cũng phải tránh. Mỗi tháng có ba ngày là ngày năm, mười bốn, hai mươi ba, gọi là ngày nguyệt kỵ, việc gì cũng nên kiêng và nhất là nên kiêng nhập phòng. Trong một năm lại có mười ba ngày gọi là ngày Dương công kỵ nhật, hết thầy việc gì cũng phải tránh những ngày ấy.

Đến đời sau các nhà âm dương thuật số mỗi ngày mới bày thêm ra ngày tốt, ngày sao xấu, ngày này nên là việc nọ, ngày kia nên làm việc kia. Hết ngày rồi lại có giờ sinh, giờ hợp, giờ xung, giờ khắc, động làm việc gì cũng phải xem ngày, kén giờ, thực là một việc phiền toái quá. Đã đành làm việc gì cũng nên cẩn thận, mà chọn từng ngày, kén từng giờ mà phí câu nệ khó chịu. Mà xét cho kỹ thì có ích gì đâu, chẳng qua việc thành hay bại cốt do ở người chớ có quan hệ gì ngày tốt hay ngày xấu.

(Trích "Việt Nam phong tục" Phan Kế Bính)

Bồi tiếp

Truyện *Nhị Độ Mai* có câu “Và trong *bồi tiếp* tiệc hoa”.
Bữa cơm, chủ nhà ngồi một bên khách để tiếp đãi gọi là bồi tiếp.

Đồng thời cũng trong tiệc rượu với “*bôi bàn*”
Bôi bàn – Bôi: rượu. Bàn: mâm, chỉ tiệc rượu.
Thơ có câu:
Bôi bàn rộn rịp linh đình, lễ khao tướng sĩ xuất chinh chọn ngày

Giai thoại làng văn

Tôi nhớ lại lúc ông Nguyễn Văn Vĩnh sắp lên đường sang Lào để tìm vàng, công nợ ngập đầu, mà cứ cố sống cố chết bám vào tờ “Trung Bắc”, “Học Báo” và “Annam Nouveau” để viết. Toàn quyền Pasquier, một hôm, gặp Nguyễn Bá Trác (lúc ấy vừa ở Nhật về), hỏi theo ý Trác thì nhà cách mạng Việt Nam nào nguy hiểm nhất. Trác trả lời “Nguyễn Văn Vĩnh”. Toàn quyền Pasquier nhờ sở Mật thám điều tra xem ông Vĩnh còn nợ ngân hàng và tư nhân chừng bao nhiêu tiền. Số nợ ấy, so với lúc ấy, thật lớn: từ 6 đến 800.000 đồng. Toàn quyền Pasquier nhờ một người thân tín của ông Vĩnh bán tiếng đến tai ông: nếu ông Vĩnh bằng lòng ngưng công kích Bảo Đại và bút chiến với Phạm Quỳnh, gấp đôi số nợ ấy cũng sẽ được trang trải êm ả mà không cần phải bận tâm gì hết.

Nghe thật bùi tai, nhưng ông Vĩnh đã không biết thoát khỏi nghề báo vào chính lúc có cơ hội tốt. Và không phải là tiên tri, người ta đã biết kết cục ra sao: “Học Báo” nguyệt san giáo khoa độc nhất còn được Pháp trợ cấp sang tay Lê Thăng, “Trung Bắc” về cụ Luận, còn “Annam Nouveau” thì chết, mà ông Vĩnh thì khăn gói gió đưa sang Lào để tìm vàng; nhưng mỏ vàng chưa thấy đâu thì đã mất ở chốn ma thiêng nước độc. Một lần nữa, tôi lại muốn ly khai với nghề báo, vì mỗi ngày mỗi thấy thêm sự chán chường.

(Vũ Bằng – Bốn mươi năm nói láo)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ lỗ

Hữu duyên thiên lý i-meo lại,
Vô duyên đối diện cãi nhau hoài.

23 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Có thể bị ám ảnh về kiến thức uyên bác của mình, về những điều đã dày công học hỏi và nghiên cứu nên thạc sĩ ngôn ngữ học Dương Đức Nhựt thấy cần phải thay đổi một cái gì mà ông cho là mới chăng? Nhưng thực ra những cải cách của giáo sư Nhựt tưởng là mới lại không có gì là mới cả. Viết toàn I ngắn thì đã có từ khi Paulus Của viết tên ông là Hùinh Tịnh Của vào cuối thế kỷ thứ 18. Nguyễn Hữu Ngự cũng chỉ làm công việc lặp lại. Còn cộng sản Hà Nội thì quen cách cai trị theo lối độc tài nên đã ra hẳn một pháp lệnh về việc thay đổi I ngắn, Y dài.

Cách viết tiếng Việt với những chữ cái la tinh F, J, W, Z thì ông Hồ đã thực hiện và lần cuối cùng là trong chính di chúc viết tay của ông đã có những chữ nhân dân, fe xã hội chủ nghĩa, fục vụ, Đố Fủ . . . Lối viết đó được các đàn em bợ đỡ, điển hình nhất là Nguyễn Kim Thần, viện trưởng Viện Ngôn Ngữ Học đã tăng bốc như sau:

Ngay từ khi viết đường Kách Mệnh người đã dùng F thay Ph, Z thay D và G, dùng K thay cho C, bỏ H trong GH và NGH.

Những người làm công tác ngôn ngữ học ở nước ta ngày nay vô cùng khâm phục những sự sửa đổi nói trên của Bác. Thiên tài và sự vĩ đại của Bác biểu hiện ở từng việc làm, từng chủ trương cụ thể như vậy đó . . . (Tiếng Việt Của Chúng Ta, Nxb Thành Phố Hồ Chí Minh, 1983, tr. 40).

(Chuyện cải cách tiếng Việt – Đặng Trần Huân)

Cửa Bồ Đề

Cửa Bồ Đề: cửa Phật, nhà chùa.
Bồ đề vốn là chữ Phạn, nghĩa là đạo, là giác ngộ theo nghĩa của nhà Phật.

Cải tạo tiếng Việt

Cách viết tiếng Việt với những chữ cái la tinh F, J, W, Z thì ông Hồ đã thực hiện và lần cuối cùng là trong chính di chúc viết tay của ông đã có những chữ *nhân dân, fe xã hội chủ nghĩa, phục vụ, Đố Fủ* . . . Lối viết đó được các đàn em bợ đỡ, điển hình nhất là Nguyễn Kim Thân, viện trưởng Viện Ngôn Ngữ Học đã tâng bốc như sau: "...Ngay từ khi viết Đường Kách Mệnh người đã dùng F thay Ph, Z thay D và G, dùng K thay cho C, bỏ H trong GH và NGH. Những người làm công tác ngôn ngữ học ở nước ta ngày nay vô cùng khâm phục những sự sửa đổi nói trên của Bác. Thiên tài và sự vĩ đại của Bác biểu hiện ở từng việc làm, từng chủ trương cụ thể như vậy đó..." (Tiếng Việt Của Chúng Ta).

Nghe đã thấy mê ly ngây ngất chưa?

Di chúc viết tay của ông Hồ với cách viết lố lăng như trên đã được chụp lại in trong báo Nhân Dân sau khi ông chết và năm 1976 cũng bút tích ấy trong cuốn Chủ tịch Hồ Chí Minh, Tiểu Sử Và Sự Nghiệp do Ban Nghiên Cứu Lịch Sử Đảng Trung Ương biên soạn. Sự thay đổi chữ nghĩa đó sau này đã được ban hành bằng một pháp lệnh của chính quyền và được thực hiện trong Từ Điển Tiếng Việt (Hoàng Phê) từ ấn bản 1988 và trong Đại Từ Điển Tiếng Việt (Nguyễn Như Ý) do Bộ Giáo Dục xuất bản năm 1998.

(Đặng Trần Huân - Chuyện cải cách tiếng Việt)

Khỏe như vâm

Ta vẫn thường nói "*khỏe như vâm*". Nhưng "vâm" là con gì?
Vâm là *con voi*, là tiếng gọi của người Nghệ Tĩnh.

Khỏe như vâm là khoẻ như voi.

(Trần Ngọc Ninh – Tuyết xưa)

Nghệ thuật chơi chữ trong ca dao

Từ điển thuật ngữ văn học gọi chơi chữ là "lộng ngữ" và giải thích là một biện pháp tu từ có đặc điểm: người sáng tác sử dụng những chỗ giống nhau về ngữ âm, ngữ nghĩa, văn tự, văn cảnh để tạo ra sự bất ngờ thú vị trong cách hiểu, trong dòng liên tưởng của người, người nghe. Các hình thức của lộng ngữ rất phong phú, trong đó có: *nói lái, dùng từ đồng âm hoặc gần âm, dùng từ gần nghĩa, tách một từ thành các từ khác nhau*.

Như gọi lên một ý nghĩa khác "tục" mà thanh bởi từ "đầy" đa nghĩa (cả nghĩa trong khẩu ngữ) của câu ca dao sau đây:

*Em ơi nên lấy thợ bào
Khom lưng ánh đầy cái nào cũng êm*

Xét từ ngữ nghĩa tường minh của văn bản thì không có gì hết, nó chỉ miêu tả một hành động bình thường của anh thợ mộc làm động tác bào cây, gỗ, nhưng xét về nghĩa hàm ẩn của nó thì thật là "độc", mà cái "độc" ấy là do nghệ thuật "chơi chữ" tạo ra.

(Trần Minh Thương - Nghệ thuật chơi chữ trong ca dao Việt Nam)

Giai thoại làng văn

Trong một cuộc hội thảo, Dương Thu Hương lên diễn đàn, chị phát biểu "Đôi điều suy nghĩ về nhân cách của người trí thức", phê phán nhiều văn nghệ sĩ tư cách rất hèn. Chị cũng phàn nàn về đời sống nhà văn. Chị nói: "Viết một tác phẩm rất khó nhọc mà nhuận bút thấp. Nếu tôi không say mê văn chương thì tôi đi làm thợ may hay bán bánh rán còn sống tốt hơn". Cả hội trường anh nào cũng mặt xanh nanh vàng cả.

Lại nhớ một lần tôi cùng Hoàng Ngọc Hiến tới trường Đại học Sư phạm Việt Bắc, hôm ấy Dương Thu Hương đang đàn diễn thuyết, tôi có đến nghe. Chị vừa nói vừa đi đi lại lại rất hiên ngang. Tôi nhớ loáng thoáng, mở đầu chị phê phán Hồ Chí Minh: "Năm điều bác Hồ dạy, không nói yêu cha mẹ nên bây giờ trẻ con hư hỏng hết."
(Hồi ký Nguyễn Đăng Mạnh)

Kéc

Kéc* : con vẹt
(c* không là t*: con két)

(Tự diễn tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

Chữ nghĩa làng văn

Nhu cầu sáng tạo ra những từ ngữ mới là của nhà văn là ngôn từ và việc nhà văn nào cũng khát khao. Từ xưa đến nay đều như vậy. Như Nguyễn Du cũng thích nhào nặn từ ngữ, trong bài VỢ ỚM, ông viết:

"Thình lình em ngã bệnh ngang
Phang anh xất bắt xang bang thế này"

Tôi không tin trong từ điển có cụm từ "xất bắt xang bang", nhưng đặt vào đây thấy được, không đến nỗi bật ra - nó có vẻ như là bà con xa với từ "bang bách" vừa nói ở trên.

(Anh Ngọc – Tản mạn về từ mới)

Giai thoại làng văn xóm chữ Đại phong

Một hôm rồi rã, vua kêu Quỳnh vào hỏi:

- Trên đời này có bao nhiêu thứ của ngon vật lạ ta đã đều ăn qua. Có còn thứ gì ngon mà lạ hơn không nhỉ?

- Có một món cực ngon gọi là đá hầm, bệ hạ đã nếm qua chưa ạ?

Vua nghe cái tên món ăn nghe lạ và bảo muốn thưởng thức món ấy ngay. Quỳnh thưa:

- Món ăn đó nấu rất công phu và tốn nhiều thời gian.

Hai hôm sau, đến nhà, vua thấy Quỳnh lăng xăng chạy tới chạy lui trong bếp. Thấy thế, vua lại càng nôn nóng, giục Quỳnh nấu mau mau. Quỳnh ra vẻ mệt mỏi, râu:

- Xin bệ hạ đợi cho chút nữa, sắp xong rồi ạ.

Vua đành bấm bụng đợi. Tới sẩm tối Quỳnh cứ bảo là chưa được. Vua đói quá bèn nói :

- Không đợi được nữa! Trong nhà có thức gì khác cứ dọn lên cho ta ăn qua loa một miếng đi!

Quỳnh sai gia nhân dọn cơm lên phàn. Vua nhìn thấy mâm cơm chỉ có vồn vện đĩa rau luộc! Trong mâm có cái hũ sành nhưng vua không biết đó là gì! Vua chỉ vào cái hũ rồi hỏi :

- Trong đây đựng món gì?

- Thưa, đây là món "đại phong" ạ!

Quỳnh rót một ít cái thứ nước sền sệt gọi là "đại phong" ra chén rồi mời vua chấm rau. Vừa nhai rau trong miệng, vua vừa thốt lên:

- Ngon quá! Nhưng sao lại gọi là đại phong?

Quỳnh thưa:

.- Bẩm, phong là gió, đại là lớn, mà gió lớn thì đổ chùa ạ!

Vua ngẩn ra vì ngạc nhiên. Quỳnh giải thích tiếp:

- Đổ chùa thì tượng lo. Tượng lo là...lọ tương.

(trích Giai thoại về Trạng Quỳnh)

Thịt chó với Nguyễn Du

Nguyễn Du mê ăn thịt chó nên thúc giục giết thịt chó mà đánh chén. Trong bài thơ chữ Hán *Hành lạc tử*, câu ấy là “*hữu khuyến khả tu sát*”. Cụ Lê Thước diễn nôm cả đoạn thơ ấy như sau:

Tội gì ngàn năm lo
Có chó cứ làm thịt
Có rượu cứ nghiêng bầu
Trên đời được thua chưa dễ biết
Cần gì tiếng hã về sau

Cũng có thể vì vậy sau mới có câu:
Đàn ông biết đánh tổ tôm
Biết ăn thịt chó *, xem nôm Thúy Kiều

(Phụ chú: *Uống chè mạn hảo, ngâm nôm Thúy Kiều?)

(Trà Lữ – báo Văn Nghệ Tiền Phong)

Họ và tên

Ông Hồ Dzếnh khi sinh ra đời được bố mẹ làm giấy khai sinh với tên là Hà Triệu Anh. Nhưng vì ông bố là người Tàu lại nói giọng Quảng Đông nên phát âm ra là...Hồ Zếnh.

Ông Vương Hồng Sển cũng vậy, tên thật là Vương Hồng Thịnh, ông bố người Tàu phát âm trợ trợ ra sao “Thịnh” thành “Sển”.

Ông thư ký làng cứ “dzậy” mà ghi vào sổ bộ.

(Trà Lữ - báo Văn Nghệ Tiền Phong)

Chữ và nghĩa

Tiếng Việt cùng nói cùng dùng chung của không biết bao nhiêu là ngôn ngữ anh em chung quanh ta, đến nỗi *không có một tiếng Việt nào mà lại không có chung gốc gác với một vài ngôn ngữ khác ở miền Đông nam Á này như Khmer, Lào, Thái, Chàm, Malay, Indonesia, Nùng, Hmong Bahnar, v..v..*

Tiếng Việt có một điểm rất lạ, dễ thì dễ mà khó cũng thật là khó, vì ta tưởng là ta viết được tiếng Việt là ta hiểu được tiếng Việt.

Thật ra ta không hiểu tiếng mẹ đẻ của chúng ta nó ra làm sao cả :

Như “*Nôm na*” mà ai cũng cho là *Nôm* là *Nam* , vậy thì “*na*” là gì?

Thật ra, *nôm* và *na* đều có nghĩa gốc là *xưa, cũ, lâu đời*...đã có từ lâu. Các tiếng Lào Thái Khmer đều có ghi hai tiếng “*nôm na*” và đều giải thích như vậy.

Tiếng *Nôm* là tiếng nói xưa của người nước ta, đã nói như vậy từ lâu, trước khi ông bà ta gặp người Tàu.

(Nguyễn Hy Vọng – Cái tinh thần đặc biệt của tiếng Việt)

Họ và tên

Thời Lê sơ, vì tránh tên bà mẹ đẻ ra Lê Thái Tông là Phạm Thị Trần mà bắt những người họ Trần phải đổi sang họ Trình...

Việc đổi họ cổ kim còn vô vàn lý do. Nhà thờ họ Bùi ở một làng họ thờ ông tổ là... Trần Thủ Độ. Vị Thái sư danh tiếng với câu nói bất hủ trước họa giặc Nguyên tám thế kỉ về trước: “Đầu

thần còn chưa rơi xuống đất – xin bệ hạ đừng lo”. Không phải vì “thấy người sang bắt quàng làm họ”, mà họ Bùi làng ấy tôn thờ ông đầu. Ông chính là ông tổ của dòng họ Bùi ấy đấy. Nhưng Trần Thủ Độ họ Trần. Cớ sao lại là ông tổ của họ Bùi?

Người viết bèn đem điều thắc mắc ấy hỏi một cụ cao tuổi họ Bùi. Té ra họ Bùi làng ấy vốn gốc từ họ Trần thật. Vào thời xa xưa, trong họ sinh chuyện bất hoà. Một nhánh của họ Trần bèn tách ra lập họ riêng, song vẫn không muốn cho con cháu quên cái gốc (là họ Trần) của mình. Các cụ thời ấy bèn đi từ nghĩa Nôm của chữ “Trần”. Trần nghĩa là... ở trần, là không mặc áo. Không mặc áo thì là phi y (không áo). Chữ phi (非) và chữ y (衣) ghép lại thành chữ Bùi (裴). Thế là được một cái tên họ. Trần = phi + y = Bùi.

(Lan man chuyện “Họ”...và “Tên” – Phạm Lưu Vũ)

Keo

Keo : té ngã trong cuộc đánh vật
(vật một keo)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

Tiếng Việt trong sáng

"Nhắc nhở" / "Nhắc nhớ". Trước đây, có thể là trước cả thời điểm 1975, người ta dùng "nhắc nhở"; sau này, có người chợt thấy ra là "ý nghĩa nằm bên trong" của từ này là "nhắc" để cho người khác "nhớ", đừng quên một chuyện gì đó, nên đã sửa lại là "nhắc nhớ". Từ đó, "nhắc nhớ" lan tràn. Rất nhiều người đã dùng nó, có lẽ vì nghĩ rằng khi dùng như thế, mình cho người nghe thấy được là mình đã hiểu vào "cốt lõi" của từ "nhắc nhở".

Thật ra, đúng là trong "nhắc nhở" có ý nghĩa của việc "nhắc" cho "nhớ", nhưng qua biện pháp biến âm để làm cho từ được phát ra một cách mềm mại hơn ("nhắc nhớ" có hai âm trắc, không gãy, nghe không êm tai), như "tím tím" được đổi thành "tim tím", "trắng trắng" thành "trăng trắng", "mệt mệt" thành "mền mệt", "đỏ đỏ" thành "đo đỏ", v.v... , ông bà ta đã làm cho nhiều từ được dùng một cách mềm mại hơn. Tôi nghĩ, chính vì lý do vừa nói, ta không nên đổi từ "nhắc nhở" rất dịu dàng sang từ "nhắc nhớ" khá chói gắt. Cho dù, khi đổi như thế, ta bóc được cái "cốt lõi" của nó ra.

(Bùi Vĩnh Phú – Trên những đường bay của chữ)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Trèo cao ngã đau,
Trèo thấp ngã... cũng đau.

24 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Sau hiệp định Genève 1954 nhóm chúng tôi tan tác kẻ đi người ở. Theo anh Đinh Hùng vào Nam có Vũ Đức Vinh, Phan Nghị và tôi; Thanh Nam đã vào Sài Gòn trước 1953. Bây giờ (1956) tôi ở với Thanh Nam, gặp lại anh Đinh Hùng và có thêm những người bạn mới. Ở cùng nhà ngõ Nancy lúc bấy giờ có nhà thơ Thái Thủy kịch sĩ, kiêm "ngâm'si và vũ sư (múa Trần thủ lưu đồn) Hoàng Thư. Ông Hoàng Thư thỉnh thoảng tập múa Trần thủ lưu đồn nên phải có chỗ cho "vũ sư" tập dượt. Vũ sư mặc quần đùi, thân thể hom hèm nhưng múa rất hăng vừa múa vừa hát "Trần thủ ấy mấy lưu đồn. Ngày thì canh điểm ấy tối dồn là việc quan, chém tre mà dẫn gỗ trên ngàn..." Nhà một lũ độc thân nên anh em dễ dàng hội họp, gặp nhau "phùng trường tác hí". Sải chiếu ra, ăn nhậu dài dài. Hay đến đây là đàn anh Đinh Hùng có khả năng đặc biệt vừa nằm vừa viết văn chương Tao Đàn mà chữ nghĩa vanã rồng bay phượng múa. Có ông Vũ khắc Khoan gõ muống vào ly mà "Hồ trường, hồ trường ta biết rót về đâu". Có ông Mai Thảo với ông Phạm đình Chương rượu uống tí tí càng uống mặt càng tái đi. Có ông Anh

Ngọc say ngất ngư hát "Anh đến thăm em một chiều mưa". Có ông Tạ Tỵ ngày Tết chạy sang ,sãi chiếu ra, rút bắt.

Văn nghệ sĩ đến đây nhiều như thế nên người ta bảo ngõ này là ngõ "văn nghệ"; khu này cũng có khá đông anh em ta cư ngụ. Từ chợ Nancy quẹo vô ngõ Phan Văn Trị là nhà của nhà văn, nhà thơ kiêm "sáo sĩ" Tô kiều Ngân. Đi thêm dăm chục bước chân là nhà Thanh Nam. Trước cửa nhà Thanh Nam là nhà Tạ Tỵ họa sĩ, văn ,thi sĩ. Ngay cạnh nhà Thanh Nam là nhà ban Hợp ca Hạc Thành của anh em nhạc sĩ Nhật Bằng, Nhật Phụng, Thế Tần, Hồng Hào. Xế bên kia một chút là nhà của ký giả lão thành Thượng Sĩ, nhà phê bình, điểm sách trên tờ Tin Mới của Hà Nội năm xưa, (nhà văn nữ Sài Gòn cô nương xuất hiện trên làng báo hải ngoại mấy năm gần đây là con gái anh Thượng Sĩ).

(Kỷ niệm Tao Đàn - Phan Lạc Phúc)

Tiếng Việt dễ và...dễ thương

Hỏi: Qua hai câu ca dao

Trèo lên cây bưởi hái hoa

Bước xuống vườn cà hái nụ tầm xuân

Chẳng lẽ nụ của cây cà gọi là nụ "tầm xuân"? Thưa ông thầy đồ?

Đáp: Theo very ngu ý của ông thầy đồ, hoa cà mí lý nụ tầm xuân là hai thứ hoàn toàn khác nhau. Thật ra đây chỉ là...thơ nhớ đào của các cụ. Câu "Bước xuống vườn cà..." không để "hái cà" mà lại đi "hái nụ tầm xuân" là muốn giấu đi kín nhem cái tình cảm mình. Kể ra các cụ cũng nhiều khê thật ấy chứ. Ai đời trong lúc nhớ "ghệ" mà các cụ cũng hì hục leo bổ nó lên cây bưởi để hái hoa mà nhớ tới em. Các cụ thi vị và phong lưu thật chả bù cho tớ, đang lúc tớ nhớ tới cái con bồ nhí năm xưa thì nếu có cây bưởi trước mặt tớ cũng lục đục leo lên mà hái...hồng phải hái hoa...mà hái hai trái bưởi xuống ngắm nghía và nhớ em muôn vàn. Đừng nghĩ bậy nhá, bởi vì ngày xưa em tôi học trường...bưởi nên lúc nào cũng đeo hai cái phù hiệu của trường trên ngực nên đã để lại trong lòng tôi một ấn tượng trăm năm hồ để mấy ai quên.

Thôi hồng dám nhớ tới em nữa mà trở về cái nụ tầm xuân. Tui nghĩ là các cụ chơi chữ, các cụ muốn ngược dòng thời gian trở về dĩ vãng nên các cụ mới mượn cái nụ tầm xuân ra để gửi ý. Tầm là tìm nên tầm xuân chắc hẳn có nghĩa tìm mùa xuân. Mùa xuân của cụ đã một đi không trở lại rồi nên cụ đành ra ngồi dưới gốc cây bưởi trong vườn cà và nhớ tới cái thuở ban đầu lưu luyến ấy mà tầm xuân, tìm mùa xuân, nhớ tuổi thanh xuân và tiếc . Chắc cái vườn cà này ngày xưa cụ đã từng: "đưa em về dưới mưa, dẫn em ra gốc...cà" nên bây giờ nó vẫn mang lại cho cụ một trời tâm sự.

Như Phạm Thiên Thư *"Trèo lên cây bưởi khóc người rừng rừng"*.

(Đỗ Trọng Khơi - ĐatViet.com)

25 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Người khai sinh và điều khiển chương trình Tao Đàn ,như cả nước đều biết là thi sĩ Đinh Hùng. Năm 1956 tôi ở nhà Thanh Nam ,nơi anh Đinh Hùng thường tới viết bài ,các cộng sự thân thiết nhất của anh đều ở quanh đây nên có thể nói nơi đây là "đại bản doanh" của chương trình Tao Đàn. Chương trình Tao Đàn có thể chia ra làm 3 bộ phận. Bộ phận quan trọng nhất là ban biên tập và diễn đọc gồm Đinh Hùng, Thanh Nam, Thái Thủy. Bộ phận thứ 2 là ban ca ngâm gồm những tài tử nam, nữ trình diễn thường xuyên hay tùy hứng. Người "đa năng" nhất trong ban Tao Đàn là Tô kiều Ngân. Anh vừa là tài tử diễn ngâm, vừa biên tập, vừa trong ban nhạc. Tiếng sáo Tô kiều Ngân réo rất thường được coi là "indicatif" của Tao Đàn. Về giọng ngâm nam ngoài họ Tô, còn có Hoàng Thư; một thời giọng ngâm Thanh Hùng cũng có góp tiếng trên đài.Tô kiều Ngân tuy giọng không khoẻ nhưng anh là người ngâm "khéo" nhất, ngâm giọng Bắc, giọng Trung đều nhuyễn. Hoàng Thư có chất giọng say sưa, mạnh mẽ được

đời nhớ mãi trong Bài ca ngư phủ của Vũ Hoàng Chương. Thanh Hùng với giọng thổ pha kim trong những tác phẩm bi hùng.

(Kỷ niệm Tao Đàn - Phan Lạc Phúc)

Kếm

Kếm : thung lũng giữa núi
(kếm Trống ở Ninh Bình)

(Tự diễn tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

Đất lề quê thói với phong tục cổ truyền

Xem ngày kén giờ 2

Đọc bài xem ngày, kén giờ của Phan Kế Bính, bạn đọc trẻ tuổi thời nay sẽ có một số thắc mắc:

Phan Kế Bính là một nhà trí thức (1875-1921) học vấn uyên thâm, đỗ cử nhân Hán học (1906). Lại am tường văn minh Đông Tây, đã có nhiều cống hiến trong công cuộc khảo cứu văn học và lịch sử. Ông khuyên ta không nên mê tín quá vào việc xem ngày kén giờ, nhưng tại sao không bài bác thẳng thừng mà còn hướng dẫn người đọc: cưới xin, làm nhà, khai trương, xuất hành, an táng nên tìm ngày gì, kỵ ngày gì và bày cách chọn giờ hoàng đạo.

Trong bài có nói đến nhiều cát tinh (sao tốt), hung tinh (sao xấu), các ngày trực tốt trực xấu. Vậy sao không hướng dẫn cụ thể nên những người đọc muốn kén ngày, giờ vẫn phải đi tìm thầy. Theo thiên ý chúng tôi: Ông không đi sâu giải thích từng cát tinh hung tinh vì trong thời kỳ đầu thế kỷ đã có bản niên giám ban hành nhiều năm và nhiều người biết tiếng Hán xem được.

Nhằm giải đáp những thắc mắc trên, chúng tôi dựa theo những tài liệu bằng tiếng Hán đã được lưu truyền như "Vạn niên lịch", "Ngọc hạp kỷ yếu", "Chư gia tuyền trạch nhật", "Đổng công trạch nhật", "Vạn bảo toàn thư" đối chiếu với lịch thế kỷ XX của nha khí tượng và một số bài viết của các nhà khoa học để làm nhiệm vụ biên khảo, dẫn giải tiếp bài viết của Phan Kế Bính.

Có những cách tính ngày tốt xấu như sau:

Tính theo tháng âm lịch và ngày can chi:

- Các sao tốt: Thiên đức, nguyệt đức (lục hợp), thiên giải, thiên hỷ, thiên quý (yếu yên), tam hợp (ngũ phú). Theo quan niệm xưa, những ngày có các sao này chiếu thì làm việc gì cũng tốt.

Ngoài ra còn có các sao: Sinh khí (thuận việc làm nhà, sửa nhà, động thổ), thiên thành (cưới gả giao dịch tốt), thiên quan (xuất hành giao dịch tốt), lộc mã (xuất hành di chuyển tốt), phúc sinh (được phúc tốt), giải thần (giải trừ các sao xấu), thiên ân (được hưởng phúc ân, làm nhà, khai trương)...

Các sao xấu khác tính theo tháng âm lịch và ngày can chi như: Thiên cương, thụ tử, đại hao, tử khí, quan phù (xấu trong mọi việc lớn), tiểu hao (kỵ xuất nhập, tiền tài), sát chủ, thiên hoả, địa hoả, hoả tai, nguyệt phá (kiêng làm nhà), băng tiêu ngoại giải (kiêng làm nhà và mọi việc lớn), thổ cấm (kiêng động thổ), vãng vong (kiêng xuất hành giá thú), cô thần, quả tú (kiêng giá thú), trùng tang trùng phục (kỵ hôn nhân, mai táng, cải táng).

Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Cách đây mấy ngàn năm, ngoài tiếng Tàu ra, ông bà ta còn dùng và xài không biết bao nhiêu là tiếng nước ngoài ở đông nam Á châu mà ta cứ tưởng đâu là tiếng Việt của ta, không ngờ đó là tiếng nói của biết bao ngôn ngữ láng giềng, mà lại không phải là tiếng Tàu.

Thí dụ ta nói *văn vợ vợ văn* thì “*văn vợ vợ văn*” đó là tiếng Lào.
Thí dụ ta nói *chân tay, chân mây* thì “*chân tay, chân mây*” đó là tiếng Kmer.

(Nguyễn Hy Vọng - sưu tầm & tản mạn)

Giai thoại làng văn xóm chữ Bà Chúa mắc lõm

Một bà Chúa có nhan sắc mà tính kiêu ngạo, đi ra chơi phố phường thấy ai trái ý là sai lính bắt đánh liền. Quỳnh lững thững đi chơi, gặp kiệu Chúa. Gần đây có cái ao bèo. Quỳnh vội vàng chạy xuống cầu ao đứng đá nước chơi.

Bà Chúa biết Quỳnh, thấy chơi lẩn thẩn như thế mới hỏi:

- Ông làm gì đó?

Quỳnh ngẩng lên thưa:

- Tôi ở nhà buồn quá, ra ao *đá bèo* chơi!

Bà Chúa đỏ mặt tía tai, bỏ đi.

(trích Giai thoại về Trạng Quỳnh)

Ăn nói

- Chị ơi, ông Võ Phiến nói về chữ “ăn” có tới 127 từ đơn, kép lộn. Một đứa con nít đang tập nói cũng biết ăn là gì rồi. Ăn thì phải cắn, nhai và nuốt. Như “ăn bánh”, “ăn chuối”...

- Nhưng...cũng không phải hoàn toàn đúng như vậy. Nếu bảo rằng “ăn” là “cắn”, “nhai” rồi “nuốt”. Sao khi ta ăn cơm, ta lại không cắn mà chỉ “và”, nhai rồi nuốt?

- Ờ...hén!

- Nếu ta ăn cơm vắt, cơm cháy, ta không và được mà chỉ “cắn”. Còn ăn cháo ăn canh ta chỉ “húp” và nuốt chứ không cắn, không nhai. Nói ăn mía, nhưng không bao giờ ta “nuốt” mía vào bụng được. Lại nhất là các bà ăn trà, họ không nuốt gì vào bụng hết ráo cả mà chỉ “nhai” rồi “nhả” bã và nhả luôn cả cốt trà. Vậy chứ tại sao gọi là “ăn”!

- Ngộ...hén. Thôi em dzia, hết chuyện...ăn nói rồi.

- Ủa, đi coi chừng té, kéo lỗ mũi...“ăn trà” nghe nhỏ!

(Huyền Nga – Ý nghĩa của chữ ăn)

Hàn nho mãi tự và Vũ Đình Liên

Mỗi năm hoa đào nở

Lại thấy ông đồ già

Tú Sốt thăm viếng phần mộ Vũ Trọng Phụng gặp Vũ Đình Liên và được ông kể chuyện cuộc gặp gỡ ông đồ (1936) để thành thơ:

“...Cụ Liên khi đó là anh chàng thư sinh học trường Bưởi ngày nào cũng ghé qua gánh hàng kim chỉ của cô hàng xén ở phố Hàng Bò. Bên cạnh cô hàng xén là ông đồ viết chữ. Lúc ấy cậu Liên chỉ làm được hai câu : “*Hàng Bạc đi lên Hàng Bò - Trên đường đi học, ông đồ buồn thiu*”. Vì lúc ấy cậu Liên đang phải lòng cô hàng xén.



Nhà thơ Vũ Đình Liên (1913-1996)

Nhưng rồi, có một ngày xuân, nhà thơ đi qua phố thân thuộc đó, bỗng thấy trống vắng vì không thấy ông đồ đâu nữa. Nhìn phố xá và dòng người thờ ơ vô tình với kẻ “hàn nho mãi tụy” nhà thơ bỗng bật lên bốn câu thơ đầu: “*Năm nay đào lại nở - Không thấy ông đồ xưa – Những người muôn năm cũ – Hồn ở đâu bây giờ*”.

Sau bài thơ mới thành hình. Chỉ một bài thơ không thôi, Vũ Đình Liên đã thành danh. Ngoài ra, nhờ ông đồ, cụ Liên có thêm người vợ tần tảo là...cô hàng xén năm xưa.

Tục ngữ Tàu

Phật tại tâm đầu tọa, tửu nhục xuyên trường quá
(Phật ở lòng ta, còn rượu thịt thì tuôn qua ruột)

(Nguyễn Lập Sơn – Dư Phát Linh)

Phượng ta, phượng tây

Tên cây phượng vĩ là chữ ghép Hán Việt. “Phượng vĩ” có nghĩa là đuôi của con chim phượng. Phượng vĩ là tên thường thấy trong văn chương là *phượng ta*.

Tên *phượng tây* là tiếng dùng để gọi một loại phượng khác, loại này cao chỉ mới quá đầu người. Đây cũng là loài cây mộc, nhưng cành và thân nhỏ, bông cũng mọc chùm, cánh hoa màu đỏ, viền vàng. Những bông hoa phía trong thì đã nở trong khi những bông hoa đầu ngọn còn búp. Loại phượng này thường được trồng trong sân các đình, chùa, miếu, để lấy hoa chưng trên bàn thờ.

Tuy nhiên, loại này không phổ biến như hoa phượng. Trong một cuốn sách của ông Nguyễn Tường Bách, người gốc Huế, cũng cho biết rằng loài phượng vĩ gốc gác từ Madagascar. Pháp đô hộ Madagascar trước, sau đó tới các nước Đông Dương.

(Hoàng Long Hải – Phượng)

Giai thoại làng văn xóm chữ Dòm nhà quan Bàng

Một tối, Quỳnh lợi dụng cơ hội thuận lợi đột nhập vào phòng Điềm và leo lên giường nằm trước. Lúc quay vào, vì trời tối om om nên Điềm không thấy và quờ tay trúng phải ...của Quỳnh. Điềm thắp sáng đèn lên và đọc một câu đối rồi dọa rằng nếu đối không được sẽ mách thầy về tội sàm sỡ.

Điềm đọc:

Trướng nội vô phong phàm tự lập

(Trong màn không có gió mà tự nhiên buồm dựng nên)

Máy cho Quỳnh lần ấy xuất khẩu ngay tức khắc:

Hưng trung bất vũ thủy trường lưu

(Trong bụng không có mưa mà nước vẫn chảy)

Câu đối khá chính, Điểm không mách chuyện với quan Bàng nữa.

(trích Giai thoại về Trạng Quỳnh)

Chữ nghĩa biên khảo Cái quần, cái váy

Với chữ Hán thì quần chỉ đồ mặc để che phần dưới thân thể của đàn bà Việt Nam ngày xưa, dịch Nôm là cái váy để khỏi nhầm lẫn với cái quần đàn ông.



dã phụ y thử quần,
tục danh quần đùm

Điều này đã được tranh dân gian Oger (1909) chứng minh rõ ràng hơn qua một tấm vẽ đàn bà mặc váy. Tranh được ghi chú bằng chữ Hán-Nôm "*dã phụ y thử quần, tục danh quần đùm*" (váy buộc túm cặp lại gọi là váy đùm). Người đàn bà trong tranh mặc váy, do đó chữ quần (Hán) phải được dịch (Nôm) là váy.

Trong bài "*Chỗ lội làng Ngang*" Nguyễn Khuyến có nói đến cái quần đàn bà:

*Đầu làng Ngang có một chỗ lội
Có đền ông Cuội cao vòi vọi
Đàn bà đến đấy vén quần lên
Chỗ thì đến háng chỗ đến gối
Ông Cuội ngồi trên mồm mép cười
Cái gì trắng trắng như con cú
Đàn bà khấp nép đứng liền thưa
Con trót hớ hênh ông xá tội ...*

Chuyện đàn bà vén quần lên đến háng không thôi mà đã hớ hênh, để lộ cả cái gì trắng trắng như con cú?. Nghe không thuận tai, vì vậy các nhà quan sát có thẩm quyền kết luận rằng người đàn bà trong câu chuyện mặc váy. Quần hai ống vén đến gối hay đến háng thì vẫn còn kín đáo, chưa để lộ bí mật.

Nguyễn Khuyến đã dùng chữ quần theo nghĩa chữ Hán, để chỉ cái váy của các bà. Hình ảnh vén váy để hở cả cơ đồ còn được thấy qua tấm tranh dân gian *Hứng dừa* dĩ dõm. Qua thí dụ kể trên thì thấy rằng từ thế kỉ 15 (*Hồng Đức quốc âm thi tập*) đến đầu thế kỉ 20 (Nguyễn Khuyến) chữ quần đã được văn học Việt Nam dùng theo nghĩa của chữ Hán, để chỉ đồ che nửa dưới thân thể. Quần của đàn bà (miền Bắc) Việt Nam ngày xưa là cái váy, chứ chưa phải là cái quần hai ống ngày nay.

Thế nhưng không phải chuyện cái quần hay cái váy mà... "cái cú" là gì đây? Có người cho là cái cú là vật dụng của nghề dệt, để cuộn sợi, cuộn chỉ.

Có người lại nghĩ rằng có cú xuống mới thấy được ấy chứ. Nên gọi là... cái cú.

Tất cả chỉ vì... cái váy.

(Nguyễn Dư – Chimviet.free.fr)

Tiếng ta tiếng Tàu

Hồi còn nhỏ xuống xóm Bình Khang, nhiều người nói “có kiêng có lành” vì gặp “Quảng ngữ” thì sui tận mạng hay nghèo lỗ đít. Nói cho ngay, oan cho “Quảng Ngãi hay cơ” cũng như “dữ như sư tử Hà Đông” là chuyện của người Tàu.

Thật ra câu danh ngôn “có kiêng có lành” truyền tử thế tôn ấy có từ đời nhà Chu bên Tàu:

“Âm hộ vô mao bản chí tử”

Làm giàu tiếng Việt

Tôi cũng biết đã là sinh ngữ tất không tránh khỏi vay mượn do “văn hóa giao lưu”, hướng chi vay mượn để “làm giàu” cho tiếng Việt thì còn đắn đo gì nữa ? Nhưng qua số sách báo tôi được đọc thì hình như câu chuyện không hẳn diễn ra như thế. Lấy một thí dụ : Trên sách báo bây giờ người ta hay ví “giống nhau như hai giọt nước” (“Ils se ressemblent comme deux gouttes d'eau”) chứ ít thấy ai ví “giống nhau như đúc”, “giống nhau như in, như lột”, v..v.. Tại sao ta có ít nhất tới ba câu ví mà còn phải “mượn” thêm một câu ví của người Pháp ? Có phải vì nghe nó lạ tai, đỡ nhàm chán ? Song đây chỉ là một vấn đề tương đối. Có thể với một người Việt sống ở Việt-Nam hay xứ khác ngoài Pháp ra thì nghe là lạ, song với những người sống ở Pháp thì thấy rất chán tai, mà lại nghe “giống như lột, như in, như đúc” thích thú hơn nhiều.

Không những thế, những câu “như lột, như in...” bị xếp xó không dùng tới, lâu ngày sẽ bị quên đã đành phận rồi, song những câu “giống như hai giọt nước” dùng mãi tất rồi cũng hóa nhàm, cũng phải theo luật đào thải tự nhiên, liệu khi ấy chúng ta có moi “giống như in, như lột...” ra dùng, hay ta lại thay thế bằng những câu “lạ tai” khác, kiểu “giống nhau như hai hạt đậu” (“like two peas”) mượn của tiếng Anh hay một câu tương tự, mượn của tiếng Ý, tiếng Nga, tiếng Đức ? Người Việt ngày nay sống ở khắp năm châu, nói thông thạo đủ mọi thứ tiếng, há chỉ vay mượn của Trung quốc, của Pháp, Anh, Mỹ ? Song “vay mượn” là một chuyện mà “làm giàu” cho tiếng Việt lại là một chuyện khác.

Ta vay mượn chữ mới, bỏ xó chữ cổ truyền, là thêm một chữ lại vứt đi một chữ, vẫn chẳng thấy “giàu” hơn. Không “giàu” hơn mà lại “nghèo” đi thì có. Tiếng nói không giống tiền bạc, vật dụng mà sợ càng tiêu, càng sử dụng càng hao mòn, trái lại, những từ ngữ mà ta không dùng nó sẽ biến mất. Những từ ngữ mới vay mượn của ngoại quốc đã không có những nét đặc thù của dân tộc Việt, lại chỉ có một số người hiểu được, như thế thì “đổi mới” là “làm nghèo” chứ không phải là “làm giàu” cho tiếng Việt.

(Nguyễn Thị Chân Quỳnh – Dân “Bách Việt” tiếng “Bách ngữ”)

Tâm viên ý mã?

Có người giải thích câu thành ngữ trên là “tâm ý khó câu thúc, không khác gì ngựa và vượn thích chạy nhảy phóng túng”.

Nhưng “tâm viên ý mã” còn có thể suy diễn là...*tâm viên ý mãn*.

26 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Đình Hùng vì quảng giao, anh em, đệ tử nhiều, vắc “bazoka” đi bán nhiều nơi, nhiều chỗ nên hay bị phú lít hỏi thăm sức khỏe. Vũ Đức Vinh, Thái Thủy và tôi đã hơn một lần tới các quận Cảnh Sát “lãnh” đàn anh ra. Sau này, có tuổi một chút, anh mới ít đi giang hồ vật, nằm hít ở nhà. Bàn tĩnh ở giữa, chung quanh là từng chồng sách, báo.

Nhà anh đường Trần Văn Thạch, cạnh chợ Tân Định, trèo một cái cầu thang bằng gạch mới lên tới nơi. Anh càng có tuổi, người càng nhỏ lại. Nhiều khi khó tìm thấy anh trong đồng sách,

báo càng ngày càng rậm rạp. Vì phải viết nhiều, cho Tao Đàn, cho các báo nên anh vừa nằm vừa viết của anh.

“Bạn hít của anh là ai?” một bữa tôi mới hỏi Thái Thủy. Thư ký của ban Tao Đàn trả lời: “Tôi nói chuyện này, ông tin hay không tùy ông nhưng đó là chuyện thật. Khi anh Đinh Hùng mất được vài tháng (1967) chị Đinh Hùng mới bảo tôi tới dọn dẹp hộ đồng tài liệu, sách báo nơi anh Đinh Hùng thường nằm viết ngày xưa; vất vả lắm mới xong. Khi dọn dẹp, rũ từng chồng sách vở, tôi thấy hằng mấy chục con thạch sùng chết khô từ đó rơi ra. Đó là những bạn hít không biết nói của đàn anh đấy”...

(Chia tay “Tao Đàn” - Phan Lạc Phúc)

Thành ngữ và danh ngôn

Cha ông xưa đúc kết được kinh nghiệm sống và truyền khẩu cho đời con cháu mai sau qua ca dao và thành ngữ... Nay con cháu mai sau đời sau chế tác "lung tung, trống kèn" những thành ngữ, danh ngôn cho riêng họ:

- **Bạn có biết ai mà bạn ghét nhất và căm thù nhất không. Đó chính là... kẻ thù của bạn.**
- **Khi bạn gặp con rắn độc hay con gái thì bạn hãy đứng yên để cho nó cắn. Vì đằng nào chạy thì nó cũng.... cắn.**
- **Vịt là loài có 2 chân, chạy nhanh hơn...rùa, bay cao hơn...chuột, tuy nhiên lại bơi kém... cá.**

27 Chử nghĩa làng văn xóm chữ

Kể viết bài này đang phụ trách biên tập cho tờ Tiền Tuyến cơ quan ngôn luận của Quân Lực. Một buổi sáng đầu mùa thu năm 1967, Huy Quang hốt hoảng gọi cho tôi: “Anh Đinh Hùng mất rồi, tôi cho xe sang đón; chúng ta phải tới nhà thương Bình dân ngay”. Chúng tôi tới bệnh viện hồi 10 giờ sáng, cái nắng cuối mùa hè vẫn còn gay gắt. Anh đã được chuyển từ phòng bệnh xuống “nhà xác”. Chúng tôi đang đi bộ tìm đường bỗng nghe một tiếng khóc ré lên: “Chú Vinh ơi, chú Phúc ơi, anh Hùng anh ấy chết rồi”.

Từ một gốc cây, chị Đinh Hùng đầu tóc rối bù, áo quần sốc xéch chạy ra, vừa khóc vừa chỉ tay: “Anh ấy nằm ở trong kia kia”. Lại phải đi tìm ông “gác gian” lấy chìa khóa nhà xác. Lúc ấy có một người anh em, cựu thành viên Tao Đàn tìm đến, bạn Thiếu Lang.

Mở cửa bước vào thấy trên một cái bệ xi măng có một “brancard” sắt, trên brancard có thi thể anh Đinh Hùng nằm đấy. Năm xưa ở nhà Phạm Đình Chương anh đã nhỏ bé rồi, bây giờ anh còn ngót lại nhiều hơn nữa, nằm không đầy nửa cái brancard. Thiếu Lang quay sang hỏi chị Đinh Hùng và chúng tôi: “Đã có ai đem tiền đi đường cho anh ấy chưa?” Không ai hiểu câu hỏi của Thiếu Lang. Anh vội nhìn xuống, nhìn vào miệng Đinh Hùng còn mở hé mà nói rằng: “Giúp tôi một tay”. Bằng một chiếc đĩa Thiếu Lang cạy miệng người vừa mất để vào ít đồng tiền kẽm mà nói: “Để anh đi đường tới cõi siêu sinh tịnh độ”. Thiếu Lang có mang theo một bó nhang nhưng trên bệ xi măng không có chỗ nào thắp hương cả. Anh nhìn quanh quẩn thấy ở góc phòng có một vỏ chai xá xí; anh liền bật lửa thắp nhang cắm vô vỏ chai xá xí vừa khấn vừa vái: “Xin anh sống khôn chết thiêng phù hộ cho gia đình, cho anh em, bè bạn”.

Tôi cúi cuống chiếc brancard, như năm trước gỡ một vài ngón tóc vừa xoa xuống mặt anh vừa nói: “Xưa anh ngủ một giấc trưa, bây giờ xin anh ngàn thu an giấc”.

(Chia tay “Tao Đàn” - Phan Lạc Phúc)

Khác thừa

Khác thừa: khách khứa

(Tự diễn tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

Đất lề quê thói với phong tục cổ truyền

Âm dương ngũ hành

Theo thuyết duy vật cổ đại, tất cả mọi vật chất cụ thể được tạo nên trong thế giới này đều do năm yếu tố ban đầu là nước, lửa, đất, cây cỏ và kim loại. Tức năm hành thủy, hỏa, thổ, mộc, kim. Để giúp các bạn dễ nhớ ngũ hành tương sinh và tương khắc, chúng tôi nêu thí dụ một cách đơn giản theo vần thơ như sau:

Ngũ hành sinh: thuộc lẽ thiên nhiên.

Nhờ nước cây xanh mọc lớn lên	(thủy sinh mộc)
Cây cỏ làm môi nhen lửa đỏ	(mộc sinh hỏa)
Tro tàn tích lại đất vàng thêm	(hỏa sinh thổ)
Lòng đất tạo nên kim loại trắng	(thổ sinh kim)
Kim loại vào lò chảy nước đen	(kim sinh thủy)

Ngũ hành tương khắc: lẽ xưa nay

Rễ cỏ đâm xuyên lớp đất dày	(mộc khắc thổ)
Đất đắp đê cao ngăn nước lũ	(thổ khắc thủy)
Nước dội nhiều nhanh dập lửa ngay	(thủy khắc hỏa)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mã

Chồng em không thích ăn quà
Đi đâu cũng thích về nhà ăn cơm
Con bò trợn kiếp nhai rơm
Chồng em trợn kiếp... “nhai” cơm ở nhà

Viết văn phê bình

Ngược lại, người đọc rất chán khi bài viết cứ lặp đi lặp lại một ý “biết rồi khổ lắm nói mãi”. Văn viết phải rất súc tích. Nếu viết nửa câu mà người đọc hiểu được rồi thì chỉ viết nửa câu. Ky nhất là lời văn cứ tái ra một cách thừa thãi. Và cái gì cũng giảng giải làm như người đọc là những học trò của mình vậy.

Viết phải có văn, có nghệ thuật, nhiều khi cũng phải dùng hình ảnh. Nhưng hình ảnh của văn nghiên cứu phê bình khác với hình ảnh trong văn sáng tác. Hình ảnh của văn nghiên cứu, phê bình phải diễn đạt được những khái niệm, những phạm trù. Ngoài ra, cũng như văn sáng tác, văn nghiên cứu phê bình cũng phải có giọng điệu, cũng phải tạo được không khí. Tùy theo nhu cầu này mà chọn từ, đặt câu cho thích hợp. Nói chung văn phê bình gần với văn sáng tác hơn, hành văn phóng túng hơn. Có khi phải dùng từ thật chính xác, có khi lại phải dùng những khái niệm mơ hồ. Có khi phải đặt câu ngắn, có khi phải viết câu dài. Để tạo giọng điệu, có khi phải viết những câu thiếu thành phần ngữ pháp, giống như khẩu ngữ vậy – “khẩu ngữ là máu của câu văn xuôi”. Biết dùng khẩu ngữ, đúng lúc, đúng chỗ, câu văn sống động hẳn lên.

Viết văn ai chả muốn viết cho hay. Nhưng tự đánh giá văn mình có dễ đâu. Dễ chủ quan lắm, “Văn mình vợ người” mà. Nhưng các nhà phê bình lớn tuổi thường khiêm tốn. Cứ phải đợi xem phản ứng của độc giả mới biết văn mình có xem được hay không. Trong tiểu thuyết *Anna Karinine* của I. Tolstoi, tôi nhớ có chi tiết này: một danh họa nọ triển lãm tranh. Ông rất hồi hộp chờ đợi ý kiến đánh giá của bọn quý tộc đến xem, tuy biết bọn này chẳng hiểu gì lắm về nghệ thuật.

Thế đấy, muốn hiểu văn mình thế nào cũng phải soi vào dư luận độc giả. Ai chả muốn được khen. Độc giả tầm thường khen cũng thích. Tất nhiên được loại độc giả cao cấp khen thì khoái hơn nhiều và mới biết được cái giá thật của văn mình.

(Hồi ký Nguyễn Đăng Mạnh)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ lỗ

Ăn trông nồi, ngồi trông người bên cạnh

Chữ và nghĩa

Rất nhiều từ ngữ mà chúng ta cho là của người trong nước sau 75, thực ra là của Việt Nam trước đó. Vậy tiếng nào là tiếng của người Việt trước hay sau 75?

Chất xám - được dùng tại Miền Nam (môn vạn vật lớp đệ tứ và đệ nhị) với cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng (trí thông minh). Cả hai đều được dùng tại Miền Nam trước 75. Bảo "chất xám" chỉ được người trong nước sau 75 dùng, là sai.

(Tâm Thanh – Chiêu hồi ngôn ngữ)

Nghệ thuật chơi chữ trong ca dao

Từ điển thuật ngữ văn học gọi chơi chữ là "lộng ngữ" và giải thích là một biện pháp tu từ có đặc điểm: người sáng tác sử dụng những chỗ giống nhau về ngữ âm, ngữ nghĩa, văn tự, văn cảnh để tạo ra sự bất ngờ thú vị trong cách hiểu, trong dòng liên tưởng của người, người nghe. Các hình thức của lộng ngữ rất phong phú, trong đó có: *nói lái, dùng từ đồng âm hoặc gần âm, dùng từ gần nghĩa, tách một từ thành các từ khác nhau.*

Công dụng của nét chơi chữ "thanh cao" nhưng không tránh khỏi cái bản năng bình thường của con người, dân gian chơi chữ "đồ" để mỉa mai thâm thúy trong bài ca dao sau đây, nhưng gọi lên một ý nghĩa khác "tục" mà thanh:

Nhân lúc đồ ngồi nhàn hạ

Ra hồ sen xem ả hái hoa

Ả hớ hênh ả để đồ ra

Đồ trông thấy ngắm ngay tức khắc

Đêm năm canh đồ nằm khôn nhấp

Những mơ màng đồ nọ tưởng đồ kia

"Đồ nọ" tưởng "đồ kia" là hai từ đồng âm nhưng một từ với nghĩa là thầy đồ - một hạng người trong xã hội, và một từ "đồ" cũng là danh từ nhưng để chỉ sinh thực khí của phụ nữ!

(Trần Minh Thương - Nghệ thuật chơi chữ trong ca dao Việt Nam)

Văn hóa thể hiện qua tiếng nói

Theo Đào Duy Anh, ta có tiếng nói nhưng không có văn tự nên ta lấy một chữ Hán làm "gốc" rồi ghép một chữ Hán khác để "làm mốc" thành chữ Nôm. Rồi phát âm như tiếng Việt của ta.

Thí dụ 1: Ta lấy chữ Hán "thiên" (trời), ghép thêm chữ "thượng" (trên) và đọc là *giời*.

Thí dụ 2: Ta lấy chữ Hán "thiên" (trời), ghép thêm chữ "khẩu" (miệng) và đọc là *lời*.

(Mặc Giao – Văn hóa Việt)

Chữ nghĩa làng văn

Trong văn chương hiện đại, ta cũng thỉnh thoảng gặp những từ ngữ mới được sáng tạo khá tài tình. Trong thơ văn ít nhiều đã có những đóng góp trong lĩnh vực này, mở rộng đất đai sử dụng, thổi thêm sinh khí cho một số từ ngữ và như thế cũng có thể gọi là sáng tạo ngôn từ.

Còn nhớ, khi đọc tiểu thuyết *Mảnh đất lắm người nhiều ma* của nhà văn Nguyễn Khắc Trường tôi có bắt gặp một từ lạ: "hấp hoảng", liền hỏi anh Trường nghĩa là gì thì được trả lời:

Nghĩa của nó là chỉ trạng thái dưới "hốt hoảng" một chút!

Tôi không rõ ở quê nhà văn có ai dùng từ này thật không, nhưng tôi thì từ bé chưa nghe qua bao giờ. Hay là ông ấy đầu "hốt hoảng" và "hấp tấp" lại mà thành? Chụ.

Có điều là đọc một cuốn sách mà học thêm được một từ lạ cũng thấy sướng. Như từ nói "vóng" lên (gốc từ "vổng") mà đẻ ra "vóng vót" (liên tưởng đến "chót vót") hoặc "vóng véo" (liên tưởng đến "véo von"), rồi thì cứ đà ấy mà kéo thành "vóng vánh", "vóng vít", "vóng vịu"... .

(Anh Ngọc – Tản mạn về từ mới)

Kham

Kham : khỏ
(kham khỏ)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

Giai thoại làng văn xóm chữ Ngọ sơn

Một buổi trưa nọ, Quỳnh vào nội phủ Chúa chơi. Chúa vắng nhà, Quỳnh tạt sang dinh Bà Chính cung. Tên quan thị cho Quỳnh biết là bà Chúa đang ngon giấc, sẵn bút mực, Quỳnh đề lên vách hai chữ "Ngọ Sơn".

Ít lâu sau, Chúa và bà Chính Cung đi thăm phố phường, thấy hai chữ "Ngọ Sơn" xuất hiện la liệt trên các vách tường. Chúa và bà Chính Cung không hiểu dân chúng viết hai chữ đó có ý nghĩa gì.

Chúa truyền gọi một người đến hỏi nguyên do. Người kia thưa:

- Chúng con là kẻ hèn mọn dốt nát. Việc này chẳng qua chỉ tại Trạng Quỳnh đấy ạ !

Bà Chính Cung đỡ ngọt:

- Trạng bảo thế nào? Cứ tâu thật, ta sẽ xin Chúa tha tội cho.

- Tâu lệnh bà! Trạng Quỳnh có lần vào nội phủ, về mách với chúng con là bà Chúa đang bận "Ngọ Sơn", rồi giải thích rằng: Ngọ là nằm, nằm lâu thì phải ngủ, ngủ thì phải ngáy. Sơn là núi, mà núi thì phải có đèo.

Mà "Ngáy Đèo" nói lái lại thì..., con không dám nói ra đâu...

(trích Giai thoại về Trạng Quỳnh)

Thơ Nôm Hồ Xuân Hương



Sau hơn 40 năm âm thầm áp ủ, nghiền ngẫm...Kiều Thu Hoạch (Người cùng quê xứ Đoài với Phó bảng Kiều Oánh Mậu - người có công lớn trong việc hiệu đính truyện Kiều), ông đã công bố cuốn "Thơ Nôm Hồ Xuân Hương" với 84 bài thơ, câu đối. Có thể nói: Cuốn sách là một công trình đầy đủ, đúng chuẩn nhất về văn bản, dịch nghĩa, dịch thơ, khảo cứu, chú giải chữ Nôm, những bài thơ bất hủ của Bà chúa thơ Nôm Việt Nam.

Tiếp cận thơ Nôm từ góc nhìn văn bản học, cuốn sách của Kiều Thu Hoạch, chí ít cũng cho chúng ta 3 thông tin rất có giá trị:

- Một là: thời điểm xuất hiện "Xuân Hương thi tập" là thời Vua Minh Mạng (1820-1840)

- Hai là, lúc bảy giờ Hồ Xuân Hương đã nổi tiếng hay thơ Nôm.
- Ba là, lúc bảy giờ Xuân Hương vẫn còn trẻ, còn được người đời (qua văn bản) gọi bằng "cô".

Qua các văn bản chữ Nôm xưa, Kiều Thu Hoạch đã loại trừ được một số bài thơ bị gán cho nữ sỹ như các bài: "đánh cờ người", "tát nước", "cái nợ chồng con", "đánh đu", "bà đánh", "đồng tiền hoèn", "ông cử võ"...

(Nguyễn Khôi)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ lỗ

Vói tay ngắt lấy cọng ngò,
Thương anh muốn chết giả đờ ngó lơ.

Tiếng Việt dễ và...dễ thương

Hỏi: Qua hai câu ca dao

Trèo lên cây bưởi hái hoa

Bước xuống vườn cà hái nụ tầm xuân

Chẳng lẽ nụ của cây cà gọi là nụ "tầm xuân"? Thưa thầy đồ...

Đáp : Xin hiểu cho là hoa bưởi, tầm xuân nở vào tháng hai tháng ba, mà cà thì ra quả cũng vào thời gian này nên *Bước xuống vườn cà hái nụ tầm xuân* là dzậy.

Xin hiểu thêm hoa tầm xuân cũng là loại hoa hồng. Tên Việt: Tầm xuân. Tên Hoa: Tường vi là một loại cây mọc ven tường, xúm xít từng bụi, hoa cái đỏ, cái trắng, cái vàng. Cùng họ với hoa hồng.

Bài "Nụ Tầm Xuân" gói ghém tâm sự đôi trai gái duyên trắc trở.

- Cây bưởi cao - tượng trưng cho thượng lưu phú quý.
- Hoa bưởi thơm - tượng trưng cho danh vọng, sự nghiệp.
- Vườn cà - tượng trưng cho làng quê, xóm nghèo.
- Nụ tầm xuân - tượng trưng cho cô gái tuổi đương xuân.

(Đỗ Trọng Khơi - ĐấtViet.com)

Câu thai đố

Câu thai đố là một loại hình văn dân gian, một loại văn chương bình dân truyền khẩu đa dạng, hình thức có lúc nghiêm túc, có lúc bông đùa, dí dỏm, có lúc thô tục. Thí dụ:

Hai tay ôm lấy cột nhà

Ruột gan không có, cái da bầy nhầy

(Cái võng)

Hoặc giả như:

Ai vui tôi cũng vui cùng

Ai buồn tôi cũng buồn cùng với ai.

(Cái gương soi)

(Lưu Văn Nam – Văn hóa dân gian)

28 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

T.K.: *Chính Trần Vũ đã khám phá ra Đỗ Hoàng Diệu, việc này xảy ra như thế nào xin kể lại.*

Đ.H.D.: Tình cờ Diệu gửi tác phẩm đầu tiên của mình đến Hợp Lưu và trong thời điểm ấy nhà văn Trần Vũ đang chịu trách nhiệm chính về nội dung cho tờ Hợp Lưu. Đó là một may mắn cho Diệu bởi vì nếu không là Trần Vũ mà là một người khác chịu trách nhiệm nội dung Hợp

Lưu thì chắc gì đã có một loạt truyện ngắn của Diệu được nhìn nhận và được in trên Hợp Lưu như thế, để rồi sau này nó âm vang về trong nước. Vì thế cho nên Diệu rất cảm ơn nhà văn Trần Vũ.

Vì Trần Vũ đã động viên, khuyến khích Diệu viết truyện; giục Diệu viết truyện như người mẹ buổi sáng giục con dậy sớm đi học. Ngay khi Diệu viết xong *Bóng đèn* gửi đến Hợp Lưu và Trần Vũ biên thư trả lời, Vũ đã nói, đã động viên, khuyến khích rằng Diệu viết như thế rất được và nên tiếp tục phát huy theo dòng như thế, ghi nhận những hình ảnh, chi tiết như thế, phải cố gắng viết nhiều, nếu không sẽ phí đi, sẽ nguội đi. Chính nhờ những lời động viên ấy, Diệu mới hăng say và viết. Nếu không có sự thúc đẩy của Trần Vũ thì chắc gì Diệu đã viết được *Bóng đèn*, chắc gì Diệu đã viết được *Vu quy*, *Tình chuột* trong một thời gian sớm như thế.

(Nói chuyện với Đỗ Hoàng Diệu - Thụy Khuê)

Chữ Việt cổ

Từ cổ tiếng Việt trong "Đại Nam quốc âm tự vị" của Huỳnh Tịnh Paulus Của. Những cứ liệu khảo sát từ cổ rất đa dạng và phong phú, nhưng do điều kiện về thời gian, chúng tôi chỉ khảo sát những từ đã từng tồn tại là những từ bình thường, nhưng nay đã hoàn toàn biến mất trong từ vựng hiện đại

An: yên ngựa

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Của)

Đất lề quê thói với phong tục cổ truyền

Thuyết âm dương

Căn cứ nhận xét lâu đời về giới thiệu tự nhiên, người xưa đã nhận xét thấy sự biến hoá không ngừng của sự vật.

(Thái cực sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh tứ tượng, tứ tượng sinh bát quái. Lưỡng nghi là âm và dương, tứ tượng là thái âm, thái dương, thiếu âm và thiếu dương. Bát quái là càn, khảm, cấn, chấn, tốn, ly, khôn và đoài).

Người ta còn nhận xét thấy rằng cơ cấu của sự biến hoá không ngừng đó là ức chế lẫn nhau, giúp đỡ, ảnh hưởng lẫn nhau, nương tựa lẫn nhau và thúc đẩy lẫn nhau.

Để biểu thị sự biến hoá không ngừng và qui luật của sự biến hoá đó, người xưa đặt ra "thuyết âm dương".

Thuyết âm dương:

Âm dương không phải là thứ vật chất cụ thể nào mà thuộc tính mâu thuẫn nằm trong tất cả mọi sự vật, nó giải thích hiện tượng mâu thuẫn chi phối mọi sự biến hoá và phát triển của sự vật.

Nói chung, phạm cái gì có tính chất hoạt động, hưng phấn, tỏ rõ, ở ngoài, hướng lên, vô hình, nóng rực, sáng chói, rắn chắc, tích cực đều thuộc dương.

Tất cả những cái gì trầm tĩnh, ức chế, mờ tối, ở trong, hướng xuống, lù lù, hữu hình, lạnh lẽo, đen tối, nhu nhược, tiêu cực đều thuộc âm.

Từ cái lớn như trời, đất, mặt trời, mặt trăng, đến cái nhỏ như con sâu, con bọ, cây cỏ, đều được qui vào âm dương.

Ví dụ về thiên nhiên thuộc dương ta có thể kể: Mặt trời, ban ngày, mùa xuân, hè, đông, nam, phía trên, phía ngoài, nóng, lửa, sáng. Thuộc âm ta có: Mặt trăng, ban đêm, thu, đông, tây, bắc, phía dưới, phía trong, lạnh nước, tối.

Trong con người, dương là mé ngoài, sau lưng, phần trên, lục phủ, khí, vệ; Âm là mé trong, trước ngực và bụng, phần dưới ngũ tạng, huyết, vinh.

Âm dương tuy bao hàm ý nghĩa đối lập mâu thuẫn nhưng còn bao hàm cả ý nghĩa nguồn gốc ở nhau mà ra, hỗ trợ, chế ước nhau mà tồn tại. Trong âm có mầm mống của dương, trong dương lại có mầm mống của âm.

(Trích "Cây thuốc vị thuốc VN." của Đỗ Tất Lợi)

Khăm

Khăm : lừa nhau
(chơi khăm)

(Tự diễn tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

29 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

T.K.: Có dư luận đồn rằng Trần Vũ viết hộ Diêu truyện *Bóng đè*, chuyện này hư thực ra sao?
Đ.H.D.: Bây giờ trong nước và ngay cả trong hội nghị lý luận phê bình vừa rồi, họ nói rằng *Bóng đè* liên quan một nhân vật hải ngoại là Trần Vũ. Có một sự cấu kết nào đó giữa Đỗ Hoàng Diêu và Trần Vũ để viết nên *Bóng đè*. Diêu thấy đó là một điều rất nực cười. Ở Sài Gòn chẳng hạn, lại có người nhầm Trần Vũ với Trần Trọng Vũ, con của Trần Dần nữa! Người ta nói với nhau là truyện đó do Trần Trọng Vũ viết chứ có phải Trần Vũ viết đâu! Diêu nghe rất buồn cười vì Trần Trọng Vũ chỉ vẽ tranh chứ đâu có viết văn. Người ta nhầm một cách cơ bản như thế. Trần Vũ làm công tác chủ biên, cho nên công việc biên tập của Vũ là chuyện đương nhiên. Ví dụ trong truyện *Bóng đè* chẳng hạn, bản thảo đầu tiên gửi đến cho Vũ dài 18 trang, sau đó Vũ biên tập, cắt bỏ một số câu, một số từ, còn lại 16 trang như đã in trên Hợp Lưu.

Hoặc như *Dòng sông hủi*, Vũ cũng biên tập, cũng sửa một vài chỗ, bỏ đi một vài câu để thành nguyên bản như đã in trên Hợp Lưu. Còn *Vu quy* thì Vũ không cắt một chữ, Vũ không bỏ một chữ nào, Diêu gửi thế nào là Vũ in nguyên văn trên Hợp Lưu như thế. Và khi nhận được bản thảo *Vu quy*, Vũ nói ngay rằng truyện này Vũ sẽ không cắt một chữ nào và Diêu bây giờ đã không cần đến bàn tay biên tập của Vũ nữa, cứ thế mà viết đi. Đây là một sự khuyến khích, động viên Diêu rất lớn. Điều cuối cùng qua việc này, Diêu muốn nói rằng: Để cho các tác phẩm xuất hiện và tạo nên không khí văn học ở trong nước cũng như ở bên ngoài, vai trò của người chủ biên các tạp chí văn học rất lớn.

(Nói chuyện với Đỗ Hoàng Diêu - Thụy Khuê)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Những sai lầm tai hại trong hai quyển *Từ điển từ và ngữ Việt Nam* và *Từ điển từ và ngữ Hán Việt* của Nguyễn Lân.

1. ẩn lậu 陰漏

Theo soạn giả thì ẩn nghĩa là giấu kín; lánh đi; ngầm; lậu nghĩa là rỉ ra ngoài, và ẩn lậu nghĩa là giấu giếm, không thẳng thắn nói ra. Quả thật, trong chữ Hán, chữ lậu 漏 này có nghĩa là rỉ ra ngoài. Nhưng như thế thì các từ tố ẩn và lậu có vẻ như trái nghĩa với nhau, bởi vậy, giải nghĩa như vậy là không thỏa đáng, mà gọi là sai cũng được. Chữ lậu còn có vài nghĩa khác nữa, mà trong trường hợp này nó có nghĩa là lọt, là thoát (lậu võng nghĩa là lọt lưới), cũng là trốn tránh mà thôi. Vậy ta có thể nói rằng, ẩn lậu nghĩa là giấu giếm, là lẩn tránh. Soạn giả định nghĩa rằng, ẩn lậu nghĩa là giấu giếm, không thẳng thắn nói ra là để "khắc phục" điều mâu thuẫn mà ông cũng nhận thấy như chúng tôi chẳng, nhưng, không thẳng thắn nói ra nghĩa là nói một cách áp úng vì sợ sệt, hoặc là ở trong tình thế không thể giấu giếm được nên đành phải nói ra chứ đâu có phải là ẩn lậu.

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)

Cả vú lấp miệng em

Nhiều bà mẹ, khi nghe trẻ khóc, không cần dỗ dành, vỗ về gì cả mà dùng bầu vú sữa sẵn có trên mình để lấp miệng đứa bé. Nhờ được bú tí mẹ, đứa trẻ không khóc nữa. Hiện tượng mà chúng ta vẫn gặp, được dân gian khái quát thành câu *cả vú lấp miệng em* để chỉ hiện tượng dùng quyền lực để chèn ép, lấn át kẻ khác.

Tuy nhiên, ở thành ngữ này, có một số điểm khá lý thú về mặt chữ và nghĩa. Vú ở đây là mẹ, biểu trưng cho thế mạnh, trong khi đó em vừa là em bé, vừa là từ biểu trưng cho người người yếu thế. Miệng trong thành ngữ không chỉ là miệng ăn, miệng bú mà còn là miệng nói. Vì thế, miệng được biểu trưng cho lời nói, cho ý kiến, đề nghị, của người dưới với người trên. Còn lấp là hành động che, bịt lại, không cho lộ ra, không cho nói.

Ở trong thành ngữ này, riêng từ “cả” là ít giá trị biểu trưng nhất, lại hơi khó hiểu. Nhiều người đã hiểu cả là chỉ gộp, chỉ tổng thể với nghĩa là “tất cả, toàn bộ”, như trong cả nhà, cả con gà,... Nhưng cách hiểu này là không chính xác. Thực ra, cả trong thành ngữ này có ý nghĩa là “to, lớn”, như nghĩa của cả trong đứa cả, cả lưng rộng háng, cả hơi lớn tiếng,... Sự giao kết nghĩa của các yếu tố, tạo thành câu cả vú lấp miệng em nhằm hàm chỉ một thói xấu của người đời là hay ý vào thế lực, sức mạnh để chèn ép, lấn át người kém mình về thế lực và địa vị trong cuộc sống.

Từ Hán-Việt

Tôi muốn trình bày là những từ Hán Việt thông dụng, khi dùng nó phải đúng, và phải chính xác, chứ không phải bắt chước theo người Tàu, vì theo tôi, trong hiện tại, người Tàu dùng chữ cũng có nhiều từ rất là "kỳ dị". Tỷ dụ như:

Đảng Đối Lập họ gọi là đảng Phản Đối; bộ Y Tế thì họ gọi là bộ Vệ Sinh, Lữ Quán (Tửu Điểm) thì họ lại gọi là Tiệm Rượu.

Lại nhận thấy cách xưng hô trong tiếng Việt quả rất phức tạp nhưng cũng hết sức phong phú và chính xác, chứ không đơn giản "nị - ngộ" trong tiếng Hoa. Như “nhạc gia” là gia đình bên vợ (chứ chẳng phải là cha vợ như nhiều người vẫn thường gọi lầm), và “quân phụ” (phụ thân của phu quân) mới là cha chồng v.v...

(Thầy Chạy - Những danh từ Hán-Việt thường dùng)

30 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Phạm Xuân Nguyên: *“Sex” trong Bóng đèn như một phương tiện là tình cờ hay chủ ý, với chị?*

Đỗ Hoàng Diệu: Đầu tiên thì là tình cờ thôi, nhưng sau thì là có chủ ý. Truyện “Bóng đèn” đầu tiên trong đầu em chỉ có cái cốt là một cô gái lấy chồng ở quê, rồi về nhà chồng, rồi nằm trên tấm phản, tức là trong đầu em vẽ ra một bức tranh, em nhìn thấy bàn thờ, nhìn thấy tấm phản, thấy bóng ma từ bàn thờ bước ra đè cô gái và cảm xúc bị bóng đè.

Đấy, lúc đầu em chỉ nghĩ ra bức tranh như thế thôi. Nhưng mà chẳng nhẽ khi viết em chỉ kể về cô gái, về bóng ma đi xuống đè cô gái. Cô gái bị bóng đè, thế là hết à. Sau em suy nghĩ lại thì mọi chuyện trong “Bóng đèn” là phải như thế, tự nhiên là phải như thế.

(Trò chuyện với Đỗ Hoàng Diệu – Phạm Xuân Nguyên)

Truyện cực ngắn: Nhà thơ

Nói cách khác, truyện thật ngắn ngắn hơn truyện ngắn; truyện cực ngắn lại càng ngắn hơn truyện thật ngắn. Ngắn đến độ không thể ngắn hơn được nữa.

Như truyện:

Nhà thơ ngồi làm việc trong thư phòng. Có một sợi thòng lọng treo ngoài cửa. Mọi cơn mộng bay qua đều bị siết cổ. Nhà thơ chết mòn trên trang giấy.

Năm vị Tam Nguyên

Trong suốt 845 năm khoa cử lịch triều, kể từ khoa thi đầu tiên Minh Kinh Bác Học mở ra năm Ất Mão 1075 dưới triều vua Lý Nhân Tông tới khoa thi cuối cùng năm Mậu Ngọ 1918 ở Trung Kỳ, chỉ có 5 người được vinh dự mang danh hiệu Tam Nguyên tức đỗ đầu cả ba kỳ thi Hương, Hội và Đình. Đó là các vị Đào Sư Tích, Lê Quí Đôn, Trần Bích San, Nguyễn Khuyến và Vũ Phạm Hàm.

Danh hiệu khác với học vị. Đỗ đầu một kỳ thi thì được mang danh hiệu "Nguyên". Đỗ đầu kỳ thi hương là Giải Nguyên, đỗ đầu kỳ thi Hội là Hội Nguyên, đỗ đầu kỳ thi Đình là Đình Nguyên. Học vị là đẳng cấp cao thấp của văn bằng. Thấp nhất là Tú Tài cao hơn là Cử Nhân (dưới triều Lê Trung Hưng là Sinh Đồ và Hương Cống). Thi Hương chỉ đỗ Tú Tài hoặc Cử Nhân, ai đỗ Cử Nhân mới được phép thi Hội ở kinh đô. Nếu đỗ thi Hội, thi Đình thì được học vị Tiến Sĩ. Học vị Tiến Sĩ lại chia ra nhiều cấp khác nhau với ba giáp là đệ nhất, đệ nhị và đệ tam. Tiến Sĩ Đệ Nhất Giáp còn gọi là Tiến Sĩ Cập Đệ chỉ lấy có ba người, cao nhất là Trạng Nguyên (trùm đầu), thứ nhì là Bảng Nhãn (mắt bằng), thứ ba là Thám Hoa (thăm hoa). Dưới đời nhà Nguyễn học vị Trạng Nguyên bị bãi bỏ, do đó từ năm 1822 trở về sau Bảng Nhãn là học vị cao nhất (dưới triều vua Gia Long chỉ có thi Hương, mãi đến năm 1822 vua Minh Mạng mới mở khoa thi Hội). Thứ đến là Tiến Sĩ Đệ Nhị Giáp còn gọi là Tiến Sĩ Xuất Thân không hạn chế số người, nhiều hay ít tùy theo khoa. Đỗ đầu đệ nhị giáp có học vị là Hoàng giáp. Sau cùng là Tiến Sĩ Đệ Tam Giáp còn gọi là Đồng Tiến Sĩ Xuất Thân (tức là Tiến Sĩ thường). Đến đời Minh Mạng kể từ khoa thi năm 1829 sợ bỏ sót nhân tài nên cho những người trúng cách nhưng không đủ phân điểm được đỗ Phó Bảng. Phó Bảng là học vị cao hơn Cử Nhân nhưng dưới Tiến Sĩ (vua Tự Đức gọi là Tiến Sĩ bất cập hay nô na là Tiến Sĩ đỗ vớt).

(Trần Bích San – Lịch sử khoa cử lịch triều Việt Nam)

Khảm

Khảm : đầy, hết chỗ
(thuyền chở khảm – ăn khảm)

(Tự diễn tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

Giai thoại làng văn

Tôi được gặp ông Phùng Tất Đắc lần đầu tiên tại trụ sở báo Đông Tây ở 12 phố Nhà Thờ. Vừa mới thấy ông Đắc ngồi ở bàn viết ở cửa sổ đi thẳng vào, tôi đã biết ngay. Ngồi xuống ghế, nói với ông câu đầu, máu tôi chảy có một dòng, phần vì sợ văn ông, phần vì vẫn nghe tiếng ông là con nhà giàu ở Nam Thành, thạo đời một cây, lại có tiếng là tay ăn chơi sộp, mà mình thì chỉ là một anh học trò mới bước chân vào đời! Nói thì biết nói gì bây giờ? Tôi luống cuống và cảm thấy tay chân thừa cả, không biết giấu chỗ nào.

Mà ông Phùng Tất Đắc thì mặt lại lạnh như tiền, không hề khuyến khích tôi một ly ông cụ. Thành thử ngồi chưa đầy năm phút, tôi đứng dậy xin lên lầu gặp ông Hoàng Tích Chu như đã hẹn, nhưng trong năm phút ấy, có ai biết rằng tôi đã sợ ông Phùng Tất Đắc thêm biết chừng nào không?

Ông Đắc mặc âu phục, vén tay áo sơ mi lên ngồi rung đùi khảo cứu Nho giáo. Bên cạnh hai cuốn sách của Lê Thần Trần Trọng Kim, tôi thấy một chồng sách chữ nho. Đêm hôm ấy, về nhà nhớ lại buổi ban chiều, tôi chán đời không thể tả, vì thấy Phùng Tất Đắc, tôi quan niệm muốn viết báo cho ra viết báo, muốn sử dụng ngòi bút cho tài tình như ông Đắc trong mục "Trước Đền" của báo Đông Tây, người ta phải thông kim bác cổ, thạo cả chữ Hán lẫn chữ Tây. Mà tôi thì chữ Tây mới đến sơ gông, còn chữ Hán thì biết có mấy chữ "Cổ công điền giao

từ” do hai cụ Thiện và cụ Chính dạy ở trường Hàng Vôi lúc còn theo tiểu học. Thế này thì đến kiếp chết cũng không thể thành một nhà báo như Phùng Tất Đắc và Hoàng Tích Chu!

Tôi lại xây mộng, tôi lại mơ ước học chữ Hán, nhưng đó chỉ là mơ ước hão thôi, cũng như sau này tôi thấy bọn các ông Đỗ Văn, Chu Mậu, Đặng Trọng Duyệt làm báo chữ Tây, viết chữ Tây, tôi lại mơ ước giỏi chữ Tây để viết báo Tây kiểu “Cri de Hanoi”, rút cục bao nhiêu mộng ấy đều biến ra mây khói... phù du hết.

(Vũ Bằng – Bốn mươi năm nói láo)

Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Theo các nhà ngữ học thì tiếng Việt là thứ tiếng đứng thứ 12 trên thế giới về số đồng người nói là 83 triệu. Tiếng Việt vay mượn rất nhiều từ ngữ 58 thứ tiếng lớn nhỏ ở nam Á châu, từ tiếng Thái Lào, Khmer, Miến, Malay, Indonesia cho đến những tiếng nói thiểu số với vài ba trăm ngàn người, tiếng Mường, tiếng Nùng, tiếng Hmong, tiếng Chăm. Như:

- ta nói *săn sóc*, chăm “sóc” mà ta chẳng hiểu “săn” là gì mà “sóc” là gì.
“săn” là theo dõi, “sóc” là sức khoẻ gốc Sanskrit / Pali.

(Nguyễn Hy Vọng - sưu tầm & tản mạn)

Bảng hữu kim kỳ phú

Bài phú của Nguyễn Đôn Phục, ông đỗ cử nhân khoa quý Dậu năm thời Tự Đức là một kho ngôn ngữ dân gian gồm những tục ngữ, thành ngữ, phương ngôn của một vùng đất, hàm súc về nhân sinh, tình yêu, tình bè bạn ..v..v..

Nguyễn Đôn Phục xuất thân từ cửa Khổng sân Trình, chọn lọc từ khó tàng văn học dân gian đem sắp xếp hệ thống lại một cách công phu trong bố cục của một bài phú có vần điệu, có đối xứng theo luật bằng trắc vừa kết hợp được tính cổ điển và tính dân gian phóng khoáng từ thời Tự Đức thứ 26 (1873).

Bởi vì cơm chúa nên múa tối ngày; chớ thấy ăn khoai vác mai chạy quấy.

Dầu mà không mỡ thì chợ cũng đông; e khi có chồng như gông vào cổ.

Đừng khinh đại ngộ, cha nó lú còn chú nó khôn; phải nghĩ nguồn cơn, mẹ tốt sữa nên con mới mập.

Chớ dớn dác cái cù cái đập, mà dựa hơi lũ cá lòng tong.

Nhấy đồng vì bởi nước sông, có gió nên rung mõ.

Trách đồn gánh, nợ công trâu rồi lại đề vai; sợ lũ gà kia vì vắng chủ đã toan bươi bếp.

Nói sao cho hết tình đời ai đại ai khôn, kể thử mà nghe lời thế tục, tục thanh thanh tục.

Ai chưa nhắm mắt về cùng mười đất chín trời, thì phải cẩn rắng với năm cha ba mẹ..